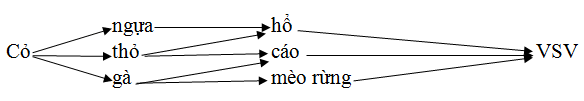
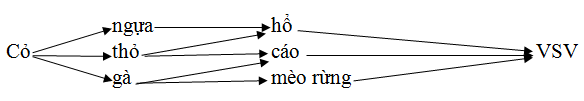
# Đề thi Học kì 2 Sinh học lớp 12 năm 2024 có đáp án

Chỉ từ 80k mua trọn bộ Đề thi Học kì 2 Sinh học 12 bản word có lời giải chi tiết:  
B1: Gửi phí vào tài khoản 0711000255837 - NGUYEN THANH TUYEN - Ngân hàng Vietcombank **(QR)**  
B2: Nhắn tin tới zalo Vietjack Official - nhấn vào đây để thông báo và nhận đề thi.  
Xem thử tài liệu tại đây: Link tài liệu  
**Đề thi Học kì 2 Sinh học lớp 12 năm 2023 - 2024 có đáp án**  
**Đề thi Học kì 2 Sinh học lớp 12 có đáp án Đề số 1**  
*Phòng Giáo dục và Đào tạo .....*  
*Đề thi khảo sát chất lượng Học kì 2*  
*Năm học ...*  
*Bài thi môn: Sinh học lớp 12*  
*Thời gian làm bài: 45 phút*  
*(không kể thời gian phát đề)*  
**Câu 1:** Nhóm sinh vật nào dưới đây có nhiệt độ cơ thể không biến đổi theo nhiệt độ môi trường?  
A. Bò sát.  
B. Thú.  
C. Ếch nhái.  
D. Cá xương.  
**Câu 2:** Trên một cây to, có nhiều loài chim sinh sống, có loài sống trên cao, có loài sống dưới thấp hình thành nên  
A. các nơi ở khác nhau.  
B. các ổ sinh thái khác nhau.  
C. các khu phân bố khác nhau.  
D. các vùng địa lí khác nhau.  
**Câu 3:** Trong lịch sử phát triển của sinh vật trên Trái Đất, bò sát khổng lồ phát triển mạnh ở  
A. Kỉ cacbon (than đá) đại Cổ sinh.  
B. Kỉ thứ ba đại Tân sinh.  
C. Kỉ thứ tư đại Tân sinh.  
D. Kỉ Jura đại Trung sinh.  
**Câu 4:** Sự sống sót của các cá thể thích nghi nhất là kết quả của chọn lọc tự nhiên theo  
A. quan niệm Lamac.  
B. quan niệm Kimura.  
C. quan niệm của Đacuyn.  
D. quan niệm hiện đại.  
**Câu 5:** Trong hệ sinh thái, phát biểu nào dưới đây là đúng?  
A. Năng lượng của sinh vật sản xuất bao giờ cũng nhỏ hơn năng lượng của sinh vật tiêu thụ nó.  
B. Sự biến đổi năng lượng diễn ra theo chu trình.  
C. Sự thất thoát năng lượng qua mỗi bậc dinh dưỡng thường rất lớn.  
D. Sự chuyển hóa vật chất diễn ra không theo chu trình.  
**Câu 6:** Từ quần thể cây 2n, tạo ra quần thể cây 4n. Quần thể cây 4n được xem là loài mới vì:  
A. các cây của quần thể 4n có hình thái, kích thước các cơ quan sinh dưỡng lớn hơn hẳn các cây của quần thể 2n.  
B. các cây của quần thể 4n không thể giao phấn được với các cây của quần thể 2n.  
C. các cây của quần thể 4n giao phấn được với các cây của quần thể 2n tạo cây lai 3n bị bất thụ.  
D. các cây của quần thể 2n với các cây của quần thể 4n không thể cùng sống trên khu địa lí trùng nhau một phần hoặc trùng nhau hoàn toàn.  
**Câu 7:** Các hình thức cách li sinh sản trước hợp tử gồm có  
A. cách li nơi ở, cách li tập tính, cách li thời gian và cách li cơ học.  
B. cách li tập tính, cách li thời gian và cách li cơ học.  
C. cách li cơ học, cách li tập tính và cách li sinh thái.  
D. cách li nơi ở, cách li tập tính, cách li thời gian, cách li sinh thái và cách li cơ học.  
**Câu 8:** Với tiến hóa, đột biến gen có vai trò  
A. cung cấp nguyên liệu chủ yếu cho quá trình tiến hóa.  
B. cùng với chọn lọc tự nhiên làm tăng tần số các alen trội có hại trong cùng quần thể.  
C. phát tán đột biến trong quần thể.  
D. định hướng quá trình tiến hóa.  
**Câu 9:** Mật độ cá thể của quần thể sinh vật là  
A. tỉ lệ đực và cái trong quần thể.  
B. số lượng cá thể của quần thể trên một đơn vị diện tích hay thể tích.  
C. số lượng cá thể có trong quần thể.  
D. tỉ lệ nhóm tuổi trong quần thể.  
**Câu 10:** Trong các mối quan hệ sinh học giữa các loài sau đây, quan hệ nào là kiểu quan hệ cạnh tranh?  
A. Lợn và giun đũa sống trong ruột lợn.  
B. Chim ăn sâu và sâu ăn lá.  
C. Mối và trùng roi sống trong ruột mối.  
D. Lúa và cỏ dại trong cùng một ruộng lúa.  
**Câu 11:**  
*Cho chuỗi thức ăn sau: Cỏ → chuột → rắn → đại bàng*  
Rắn là sinh vật tiêu thụ  
A. bậc 1  
B. bậc 2  
C. bậc 3  
D. bậc 4  
**Câu 12:**Mối quan hệ nào sau đây giữa hai loài mà không có loài nào bị hại?  
A. Hội sinh  
B. Kí sinh  
C. Cạnh tranh  
D. Ức chế - cảm nhiễm  
**Câu 13:** Đột biến gen được xem là nguyên liệu chủ yếu của chọn lọc tự nhiên vì  
A. tạo ra sự thay đổi nhiều ở số lượng nhiễm sắc thể.  
B. làm thay đổi cấu trúc di truyền.  
C. phổ biến, ít gây chết và ít làm rối loạn sinh sản cơ thể.  
D. nhanh chóng tạo ra các loài mới.  
**Câu 14:** Loài đặc trưng trong quần xã là  
A. loài chỉ có ở một quần xã hoặc có nhiều hơn hẳn các loài khác.  
B. loài đóng vai trò quan trọng trong quần xã.  
C. loài có nhiều ảnh hưởng đến các loài khác.  
D. loài phân bố ở trung tâm của bất kỳ mỗi quần xã.  
**Câu 15:** Tất cả các con cá trắm đen sống ở Hồ Tây có thể xem như là một  
A. loài.  
B. quần xã.  
C. hệ sinh thái.  
D. quần thể.  
**Câu 16:** Ổ sinh thái của một loài là  
A. địa điểm cư trú, dinh dưỡng và sinh sản của loài.  
B. giới hạn sinh thái của một nhân tố sinh thái.  
C. địa điểm cư trú của loài.  
D. tổ hợp các nhân tố sinh thái nằm trong giới hạn sinh thái.  
**Câu 17:** Nước trong hồ hòa tan một lượng hóa chất độc diệt sâu bọ là DDT với nồng độ loãng (0,00005 ppm). Chuỗi thức ăn nào là có hại nhất với sức khỏe con người?  
A. Tảo đơn bào → ĐV phù du → giáp xác → cá → chim → người.  
B. Tảo đơn bào → ĐV phù du → cá → người.  
C. Tảo đơn bào → ĐV phù du → giáp xác → cá → người.  
D. Tảo đơn bào → thân mềm → cá → người.  
**Câu 18:** Năng lượng đồng hóa của sinh vật dị dưỡng trong chuỗi thức ăn: Sinh vật sản xuất → C1 (15.105 kcal) → C2 (18.104 kcal) → C3 (18.103 kcal). Hiệu suất sử dụng năng lượng của C3/C1 là  
A. 10%  
B. 1,2%  
C. 12%  
D. 1,8%  
**Câu 19:** Quần thể sinh vật là  
A. một lồng nuôi cá trên sông của một hộ ngư dân.  
B. một đám cỏ sau vườn nhà đã bị bỏ hoang.  
C. chim ở lũy tre làng.  
D. một đàn gà của một gia đình nông dân nuôi từ năm này qua năm khác.  
**Câu 20:** Trong sản xuất nông nghiệp muốn nhập nội một giống nào đó vào địa phương thì phải dựa vào  
A. giới hạn sinh thái của giống đó so với điều kiện khí hậu của địa phương.  
B. khả năng chịu đựng về nhiệt độ và độ ẩm của giống.  
C. khả năng sử dụng nguồn thức ăn có sẵn ở địa phương.  
D. khả năng chống bệnh của giống đó so với các giống khác.  
**Câu 21:** Tiến hoá nhỏ là:  
A. Quá trình biến đổi thành phần kiểu gen của quần thể và kết quả hình thành các đặc điểm thích nghi.  
B. Quá trình biến đổi thành phần kiểu gen của quần thể và kết quả hình thành loài mới.  
C. Sự đa hình di truyền của quần thể và chúng được duy trì bằng các yếu tố ngẫu nhiên.  
D. Quá trình biến đổi thành phần kiểu gen của quần thể và hình thành các nhóm phân loại trên loài.  
**Câu 22:** Phương thức hình thành loài diễn ra nhanh nhất ở con đường hình thành loài nào?  
A. Con đường địa lí.  
B. Con đường cách li tập tính.  
C. Con đường sinh thái.  
D. Con đường lai xa và đa bội hóa.  
**Câu 23:** Câu nào là đúng khi nói về quá trình hình thành loài mới?  
A. Loài mới hình thành do tích luỹ nhiều đột biến trong một thời gian ngắn thông qua tác động của chọn lọc tự nhiên.  
B. Loài mới xuất hiện có thể là một cá thể không thông qua tác động của chọn lọc tự nhiên.  
C. Loài mới xuất hiện phải là một quần thể hay nhóm quần thể tồn tại và phát triển trong hệ sinh thái.  
D. Loài mới xuất hiện phải là một quần thể hay nhóm quần thể không bị chọn lọc tự nhiên đào thải.  
**Câu 24:** Những quần thể có kiểu tăng trưởng theo tiềm năng sinh học có các đặc điểm:  
A. Cá thể có kích thước nhỏ, sử dụng nhiều thức ăn.  
B. Cá thể có kích thước lớn, sử dụng nhiều thức ăn.  
C. Cá thể có kích thước lớn, sinh sản ít, sử dụng nhiều thức ăn.  
D. Cá thể có kích thước nhỏ, sinh sản nhiều, đòi hỏi điều kiện chăm sóc ít.  
**Câu 25:** Loài thực vật A có số nhiễm sắc thể lưỡng bội là 12, loài thực vật B có số nhiễm sắc thể lưỡng bội là 16. Một loài mới C, xuất hiện do kiểu dị đa bội con lai giữa loài A và loài B. Loài thực vật C có số nhiễm sắc thể trong tế bào là  
A. 56  
B. 28  
C. 12  
D. 16  
**Câu 26:** Sự phát sinh và phát triển của sự sống đã trải qua các giai đoạn tiến hóa sau:  
A. Tiến hóa tiền sinh học, tiến hóa hóa học.  
B. Tiến hóa tiền sinh học, tiến hóa sinh học.  
C. Tiến hóa hóa học, tiến hóa tiền sinh học, tiến hóa sinh học.  
D. Tiến hóa lí học, tiến hóa hóa học, tiến hóa tiền sinh học.  
**Câu 27:** Nguyên nhân của diễn thế sinh thái là do tác động của  
1. ngoại cảnh lên quần xã  
2. quần xã đến ngoại cảnh  
3. con người  
A. 1, 3  
B. 2, 3  
C. 1, 2, 3  
D. 1, 2  
**Câu 28:** Yếu tố ngẫu nhiên luôn  
A. làm tăng vốn gen của quần thể.  
B. thay đổi tần số alen không theo một hướng xác định.  
C. đào thải hết các alen có hại khỏi quần thể, chỉ giữ lại alen có lợi.  
D. làm tăng sự đa dạng di truyền của sinh vật.  
**Câu 29:** Các nhân tố sinh thái là  
A. mối quan hệ giữa sinh vật với sinh vật trong môi trường.  
B. các nhân tố môi trường ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp tới sinh vật.  
C. những tác động của con người đến môi trường.  
D. các nhân tố vật lí và hoá học của môi trường xung quanh sinh vật.  
**Câu 30:** Trong hệ sinh thái, chuỗi thức ăn nào cung cấp năng lượng cao nhất cho con người?  
A. Thực vật → động vật phù du → cá → con người.  
B. Thực vật → cá → chim → trứng chim → con người.  
C. Thực vật → con người.  
D. Thực vật → dê → con người.  
**Đáp án và thang điểm**  
*Mỗi câu trả lời đúng 0.33 điểm*  
  
  
  
1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
  
  
B  
B  
D  
C  
C  
C  
A  
A  
B  
D  
  
  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
  
  
B  
A  
C  
A  
D  
D  
A  
B  
D  
A  
  
  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
  
  
B  
D  
A  
D  
B  
C  
C  
B  
B  
C  
  
  
  
**Câu 17:** Chọn A  
Vì hiện tượng khuếch đại sinh học, sinh vật ở bậc dinh dưỡng càng cao thì sẽ tích lũy càng nhiều chất độc trong sinh khối của chúng.  
**Câu 18:** Chọn B  
Hiệu suất sử dụng năng lượng của C3/C1 = (18.103)/ C1 (15.105) x 100 = 1,2%  
**Câu 25:** Chọn B  
Số lượng NST của 1 tế bào loài C = số NST lưỡng bội loài A + số NST lưỡng bội loài B = 12 + 16 = 28  
**Câu 30:** Chọn C  
Do hiện tượng hao hụt năng lượng qua các bậc dinh dưỡng, sinh vật ở bậc dinh dưỡng càng cao càng nhận được ít năng lượng.  
**Đề thi Học kì 2 Sinh học lớp 12 có đáp án Đề số 2**  
*Phòng Giáo dục và Đào tạo .....*  
*Đề thi khảo sát chất lượng Học kì 2*  
*Năm học ...*  
*Bài thi môn: Sinh học lớp 12*  
*Thời gian làm bài: 45 phút*  
*(không kể thời gian phát đề)*  
**Câu 1:** Phát biểu nào dưới đây là đúng khi nói về chọn lọc tự nhiên?  
A. Chọn lọc tự nhiên tích lũy các biến dị có lợi, đào thải biến dị có hại theo mục đích, nhu cầu của con người.  
B. Chọn lọc tự nhiên tác động trực tiếp lên kiểu hình và gián tiếp làm biến đổi tần số kiểu gen.  
C. Chọn lọc tự nhiên tác động trực tiếp lên kiểu gen, làm biến đổi tần số kiểu gen.  
D. Chọn lọc tự nhiên là nhân tố tiến hóa vô hướng.  
**Câu 2:** Tại sao đột biến gen thường có hại cho cơ thể sinh vật nhưng vẫn có vai trò quan trọng trong quá trình tiến hóa?  
(1) Tần số đột biến gen trong tự nhiên là không đáng kể nên tần số alen đột biến có hại là rất thấp.  
(2) Khi môi trường thay đổi, thể đột biến có thể thay đổi giá trị thích nghi.  
(3) Giá trị thích nghi của đột biến tùy thuộc vào tổ hợp gen.  
(4) Đột biến gen thường có hại nhưng nó tồn tại ở dạng dị hợp nên không gây hại. Trả lời đúng nhất là  
A. (3) và (4).  
B. (2) và (4).  
C. (1) và (3).  
D. (2) và (3).  
**Câu 3:** Sử dụng thiên địch để phòng trừ các sinh vật gây hại hay dịch bệnh thay cho việc sử dụng thuốc trừ sâu là ứng dụng của:  
A. quan hệ đối kháng.  
B. quan hệ ức chế - cảm nhiễm.  
C. khống chế sinh học.  
D. quan hệ cạnh tranh.  
**Câu 4:** Ví dụ nào dưới đây minh chứng sự biến động số lượng cá thể của quần thể không theo chu kì?  
A. Ở miền Bắc Việt Nam, số lượng bò sát và ếch nhái giảm vào những năm có mùa đông giá rét nhiệt xuống dưới 8oC.  
B. Muỗi thường có nhiều khi thời tiết ấm áp và độ ẩm cao.  
C. Ở Việt Nam, vào mùa xuân và mùa hè sâu hại xuất hiện nhiều.  
D. Chim cu gáy xuất hiện nhiều vào thời gian thu hoạch lúa, ngô hằng năm.  
**Câu 5:** Tập hợp nào dưới đây là một quần thể?  
A. Đàn cá trong hồ.  
B. Các cây phong lan trong rừng.  
C. Đàn bò của nông trường Mộc Châu.  
D. Các cây cỏ trên cánh đồng.  
**Câu 6:** Tập hợp các quần thể sinh vật thuộc nhiều loài khác nhau, cùng sống trong một không gian và thời gian nhất định được gọi là  
A. quần xã sinh vật.  
B. quần thể sinh vật.  
C. hệ sinh thái.  
D. loài sinh học.  
**Câu 7:** Hầu hết cây trồng nhiệt đới quang hợp tốt nhất ở nhiệt độ 20oC-30oC. Khoảng nhiệt độ này gọi là  
A. khoảng chống chịu.  
B. khoảng giới hạn trên.  
C. khoảng thuận lợi.  
D. khoảng giới hạn dưới.  
**Câu 8:** Phát biểu nào dưới đây là đúng?  
A. Khi sự cách li sinh thái giữa các quần thể xuất hiện thì loài mới được hình thành.  
B. Khi sự cách li địa lí và cách li sinh thái giữa các quần thể xuất hiện thì loài mới được hình thành.  
C. Khi sự cách li địa lí giữa các quần thể xuất hiện thì loài mới được hình thành.  
D. Khi sự cách li sinh sản giữa các quần thể xuất hiện thì loài mới được hình thành.  
**Câu 9:** Loài lúa mì Triticum aestivum được hình thành bằng con đường  
A. sinh thái.  
B. địa lí.  
C. lai xa.  
D. lai xa và đa bội hóa.  
**Câu 10:** Phát biểu nào dưới đây là đúng khi nói về cách li địa lí?  
A. Cách li địa lí là nhân tố làm thay đổi tần số alen, làm thay đổi thành phần kiểu gen của quần thể.  
B. Không có cách li địa lí thì không thể hình thành loài mới.  
C. Cách li địa lí là những trở ngại địa lí làm cho các cá thể của các quần thể bị cách li và không giao phối được với nhau.  
D. Cách li địa lí là tác nhân gây ra những biến đổi kiểu gen làm biến đổi kiểu hình cá thể.  
**Câu 11:** Các ví dụ về quan hệ hợp tác giữa các loài trong quần xã sinh vật là các mối quan hệ giữa  
(1) Chim sáo và trâu rừng  
(2) Vi khuẩn Rhizobium với cây họ đậu  
(3) Chim mỏ đỏ và linh dương  
(4) Cá ép với cá mập.  
Trả lời đúng là  
A. (1) và (3).  
B. (1) và (4).  
C. (2) và (3).  
D. (2) và (4).  
**Câu 12:** Con người đã nhanh chóng trở thành loài thống trị trong tự nhiên, có ảnh hưởng nhiều đến sự tiến hóa của các loài khác và có khả năng điều chỉnh hướng tiến hóa của chính mình nhờ  
A. tiến hóa nhỏ.  
B. tiến hóa văn hóa.  
C. tiến hóa sinh học.  
D. tiến hóa lớn.  
**Câu 13:** Các nhân tố tiến hóa nào vừa làm thay đổi tần số tương đối các alen của gen vừa làm thay đổi thành phần kiểu gen của quần thể?  
(1) Chọn lọc tự nhiên  
(2) Giao phối không ngẫu nhiên  
(3) Di - nhập gen  
(4) Đột biến  
(5) Các yêu tố ngẫu nhiên.  
Trả lời đúng là  
A. (1), (2), (4), (5).  
B. (1), (2), (3), (4).  
C. (1), (3), (4), (5).  
D. Tất cả các nhân tố trên.  
**Câu 14:** Đặc trưng quan trọng đảm bảo hiệu quả sinh sản của quần thể là  
A. mật độ cá thể.  
B. kích thước quần thể.  
C. thành phần nhóm tuổi.  
D. tỉ lệ giới tính.  
**Câu 15:** Nơi sinh sống của các sinh vật kí sinh, cộng sinh là  
A. môi trường không khí.  
B. môi trường đất.  
C. môi trường sinh vật.  
D. Môi trường nước.  
**Câu 16:** Hai loài cùng có lợi khi sống chung và không nhất thiết phải có nhau là đặc điểm của mối quan hệ  
A. hội sinh.  
B. cộng sinh.  
C. cạnh tranh.  
D. hợp tác.  
**Câu 17:** Ý nghĩa sinh thái của phân bố đồng đều là  
A. sinh vật tận dụng nguồn sống tiềm tàng trong môi trường.  
B. tạo điều kiện các cá thể hỗ trợ nhau chống lại các điều kiện bất lợi của môi trường và tận dụng nguồn sống tiềm tàng trong môi trường.  
C. làm giảm mức độ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể.  
D. tạo điều kiện các cá thể hỗ trợ nhau chống lại các điều kiện bất lợi của môi trường.  
**Câu 18:** Ví dụ nào dưới đây không phải là mối quan hệ hỗ trợ giữa các cá thể trong quần thể?  
A. Mối quan hệ giữa vi khuẩn sống trong ruột mối và mối.  
B. Các cây thông nhựa liền rễ nhau.  
C. Mối quan hệ giữa các cá thể trong nhóm cây bạch đàn.  
D. Mối quan hệ giữa các cá thể trong đàn chó sói.  
**Câu 19:** Các kiểu phân bố cá thể trong quần thể là  
(1) Phân bố theo nhóm  
(2) Phân bố ngẫu nhiên  
(3) Phân bố đồng đều.  
Trả lời đúng là  
A. (1) và (3).  
B. (2) và (3).  
C. (1) và (2).  
D. các kiểu phân bố trên.  
**Câu 20:** Tuổi bình quân của các cá thể trong quần thể gọi là:  
A. tuổi quần thể.  
B. tuổi thọ của quần thể.  
C. tuổi sinh lí của quần thể.  
D. tuổi sinh thái của quần thể.  
**Câu 21:** Tỷ lệ % ADN giống nhau của các loài so với ADN người là Tinh tinh: 97,6; Khỉ Rhesut: 91,1; Khỉ Vervet: 90,5%; Vượn Gibbon: 94,7. Căn cứ vào tỷ lệ này, xác định mối quan hệ họ hàng từ gần đến xa giữa người với các loài trên là:  
A. Người - Vượn Gibbon - Tinh tinh - Khỉ Rhesut - Khỉ Vervet.  
B. Người - Tinh tinh - Khỉ Rhesut - Vượn Gibbon - Khỉ Vervet.  
C. Người - Tinh tinh - Vượn Gibbon - Khỉ Rhesut - Khỉ Vervet.  
D. Người - Tinh tinh - Vượn Gibbon - Khỉ Vervet - Khỉ Rhesut.  
**Câu 22:** Các nguyên tố cơ bản cấu tạo nên vật chất sống là:  
A. C, H, O và N.  
B. C, H và O.  
C. C, H, O và P.  
D. C, O và N.  
**Câu 23:** Các cây khác loài có cấu tạo hoa khác nhau nên hạt phấn của loài cây này không thể thụ phấn cho hoa của loài cây khác là ví dụ minh chứng của hình thức cách li sinh sản nào?  
A. Cách li tập tính.  
B. Cách li cơ học.  
C. Cách li nơi ở.  
D. Cách li thời gian.  
**Câu 24:** Chuyển đời sống dưới nước lên cạn là bước ngoặc quan trọng trong quá trình phát triển của sinh giới xảy ra ở đại nào?  
A. Đại Cổ sinh.  
B. Đại Nguyên sinh.  
C. Đại Tân sinh.  
D. Đại Trung sinh.  
**Câu 25:** Trong điều kiện môi trường tối ưu, quần thể tăng trưởng theo đường cong tăng trưởng dạng  
A. chữ L.  
B. chữ J.  
C. chữ S.  
D. chữ Z.  
**Câu 26:** Nhân tố chính hình thành nên các quần thể sinh vật thích nghi với môi trường là  
A. di-nhập gen và các yếu tố ngẫu nhiên.  
B. đột biến.  
C. giao phối không ngẫu nhiên.  
D. chọn lọc tự nhiên.  
**Câu 27:** Với loài kiến nâu, nếu đẻ trứng ở nhiệt độ thấp hơn 20oC thì trứng nở ra toàn là cá thể cái; nếu đẻ trứng ở nhiệt độ trên 20oC thì trứng nở ra hầu hết là cá thể đực là ví dụ chứng tỏ nhân tố nào đã ảnh hưởng tới tỉ lệ giới tính?  
A. Dinh dưỡng.  
B. Nhiệt độ.  
C. Sinh thái sinh sản.  
D. Tập tính sinh sản.  
**Câu 28:** Các bằng chứng hóa thạch cho thấy loài xuất hiện sớm nhất trong chi Homo (người cổ) là loài  
A. H.neanderthalensis.  
B. H.habilis.  
C. H.sapiens.  
D. H.erectus.  
**Câu 29:** Quần thể bị suy thoái khi  
A. mức sinh sản + xuất cư = mức tử vong + nhập cư.  
B. mức sinh sản + nhập cư < mức tử vong + xuất cư.  
C. mức sinh sản + nhập cư = mức tử vong + xuất cư.  
D. mức sinh sản + nhập cư > mức tử vong + xuất cư.  
**Câu 30:** Quá trình tiến hóa của sự sống trên trái đất có thể chia thành các giai đoạn theo trình tự sau  
A. Tiến hóa tiền sinh học ⇒ tiến hóa hóa học ⇒ tiến hóa sinh học.  
B. Tiến hóa hóa học ⇒ tiến hóa tiền sinh học ⇒ tiến hóa sinh học.  
C. Tiến hóa sinh học ⇒ tiến hóa hóa học ⇒ tiến hóa tiền sinh học.  
D. Tiến hóa tiền sinh học ⇒ tiến hóa sinh học ⇒ tiến hóa hóa học.  
**Đáp án và thang điểm**  
*Mỗi câu trả lời đúng 0.33 điểm*  
  
  
  
1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
  
  
B  
D  
C  
A  
C  
A  
C  
D  
D  
C  
  
  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
  
  
A  
B  
C  
D  
C  
D  
C  
A  
D  
A  
  
  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
  
  
C  
A  
B  
A  
B  
D  
B  
B  
B  
B  
  
  
  
**Đề thi Học kì 2 Sinh học lớp 12 có đáp án Đề số 3**  
*Phòng Giáo dục và Đào tạo .....*  
*Đề thi khảo sát chất lượng Học kì 2*  
*Năm học ...*  
*Bài thi môn: Sinh học lớp 12*  
*Thời gian làm bài: 45 phút*  
*(không kể thời gian phát đề)*  
**Câu 1:** Khi nói về chọn lọc tự nhiên theo quan niệm hiện đại, phát biểu nào sau đây sai?  
A. Kết quả của chọn lọc tự nhiên dẫn đến hình thành các quần thể có nhiều cá thể mang các kiểu gen quy định các đặc điểm thích nghi.  
B. Chọn lọc tự nhiên chống lại alen trội thường làm thay đổi tần số alen chậm hơn chọn lọc chống alen lặn.  
C. Khi môi trường thay đổi theo một hướng xác định thì chọn lọc tự nhiên sẽ làm biến đổi tần số alen theo một hướng xác định.  
D. Chọn lọc tự nhiên tác động trực tiếp lên kiểu hình và gián tiếp làm biến đổi tần số alen của quần thể.  
**Câu 2:** Trong lịch sử phát sinh sự sống trên Trái Đất, ở giai đoạn tiến hoá tiền sinh học, các tế bào sơ khai đầu tiên  
(1) chưa có lớp màng bao bọc bên ngoài.  
(2) hoàn toàn chưa có khả năng phân chia.  
(3) có khả năng trao đổi chất và năng lượng với môi trường bên ngoài.  
(4) không chịu tác động của chọn lọc tự nhiên.  
(5) là bước khởi đầu cần thiết cho sự xuất hiện cơ thế sống đơn bào đầu tiên.  
Số phương án đúng là  
A. 2.  
B. 1.  
C. 4.  
D. 3.  
**Câu 3:** Trong các phát biểu sau về tế bào nguyên thuỷ, có mấy phát biểu đúng?  
(1) Tế bào nguyên thuỷ là tập hợp các đại phân tử hữu cơ, chưa có lớp màng bao bọc bên ngoài.  
(2) Tế bào nguyên thuỷ hoàn toàn chưa có khả năng phân chia.  
(3) Tế bào nguyên thuỷ có khả năng trao đổi chất và năng lượng với môi trường bên ngoài.  
(4) Tế bào nguyên thuỷ không chịu tác động của chọn lọc tự nhiên.  
(5) Sự xuất hiện tế bào nguyên thủy là bước khởi đầu cần thiết cho sự xuất hiện cơ thể sống đơn bào đầu tiên.  
A. 3.  
B. 4.  
C. 1.  
D. 2.  
**Câu 4:** Loại bằng chứng nào sau đây có thể giúp chúng ta xác định được loài nào xuất hiện trước, loài nào xuất hiện sau trong lịch sử phát sinh và phát triển của sự sống trên Trái Đất?  
A. Bằng chứng giải phẫu so sánh.  
B. Bằng chứng sinh học phân tử.  
C. Bằng chứng hoá thạch.  
D. Bằng chứng tế bào học.  
**Câu 5:** Trong các phát biểu sau, có bao nhiêu phát biểu đúng về quá trình hình thành loài mới theo quan niệm hiện đại?  
(1) Lai xa và đa bội hoá là con đường hình thành loài mới gặp phổ biến ở động vật.  
(2) Loài mới không xuất hiện với một cá thế duy nhất mà phải là một quần thể hay một nhóm quần thể.  
(3) Quá trình hình thành loài mới luôn gắn liền với quá trình hình thành đặc điểm thích nghi.  
(4) Quá trình hình thành loài mới có thể diễn ra từ từ qua hàng vạn, hàng triệu năm hoặc có thể diễn ra tương đối nhanh trong thời gian ngắn.  
(5) Quá trình hình thành loài mới bằng con đường địa lí và con đường sinh thái bao giờ cũng diễn ra độc lập với nhau.  
A. 2.  
B. 1.  
C. 3.  
D. 4.  
**Câu 6:** Theo quan niệm hiện đại, quá trình phát sinh và phát triển của sự sống trên Trái Đất đã trải qua các giai đoạn theo thứ tự:  
A. tiến hoá hoá học → tiến hoá sinh học → tiến hoá tiền sinh học.  
B. tiến hoá hoá học → tiến hoá tiền sinh học → tiến hoá sinh học.  
C. tiến hoá sinh học → tiến hoá hoá học → tiến hoá tiền sinh học.  
D. tiến hoá tiền sinh học → tiến hoá sinh học → tiến hoá hoá học.  
**Câu 7:** Theo quan niệm hiện đại, quá trình hình thành loài mới  
A. bằng con đường lai xa và đa bội hoá là phương thức chủ yếu nhất ở mọi loài sinh vật.  
B. là quá trình cải biến thành phần kiểu gen của quần thể ban đầu theo hướng thích nghi tạo ra kiểu gen mới cách li sinh sản với quần thể gốc.  
C. là một quá trình lịch sử, chịu sự chi phối của ba nhân tố là thường biến, biến dị tổ hợp và các cơ chế cách li.  
D. chỉ diễn ra khi môi trường sống thay đổi, quần thể hoặc loài ban đầu chịu áp lực của các tác nhân gây đột biến.  
**Câu 8:** Hai quần thể được phân hoá từ một quần thể ban đầu sẽ trở thành hai loài khác nhau khi giữa chúng xuất hiện dạng cách li  
A. tập tính.  
B. không gian.  
C. sinh sản.  
D. địa lí.  
**Câu 9:** Các nhân tố tiến hoá nào sau đây có khả năng làm phong phú thêm vốn gen của quần thể?  
(1) Di - nhập gen.  
(2) Giao phối không ngẫu nhiên.  
(3) Các yếu tố ngẫu nhiên.  
(4) Chọn lọc tự nhiên.  
(5) Đột biến.  
A. (l), (5).  
B. (l), (2).  
C. (2), (3).  
D. (3), (4).  
**Câu 10:** Có bao nhiêu nhân tố sau đây có thể làm giảm sự đa dạng di truyền của quần thể?  
(1) Các yếu tố ngẫu nhiên.  
(2) Đột biến.  
(3) Giao phối không ngẫu nhiên.  
(4) Giao phối ngẫu nhiên.  
A. 2.  
B. 1.  
C. 3.  
D. 4.  
**Câu 11:** Khu phân bố của loài bị chia cắt bởi các vật cản địa lí như sông, biển, núi cao, dải đất liền làm cho các quần thể trong loài bị cách li nhau. Trong những điều kiện sống khác nhau, chọn lọc tự nhiên đã tích luỹ các biến dị di truyền theo những hướng khác nhau, từ đó dần dần hình thành loài mới. Đây là cơ chế hình thành loài theo con đường  
A. lai xa và đa bội hoá.  
B. tự đa bội.  
C. địa lí (khác khu vực địa lí).  
D. sinh thái (cách li sinh thái).  
**Câu 12:** Theo quan niệm hiện đại, kết quả của quá trình tiến hoá nhỏ là hình thành  
A. các chi, các họ mới.  
B. quần thể mới trong loài  
C. các đơn vị phân loại trên loài.  
D. loài mới.  
**Câu 13:** Có bao nhiêu nhân tố sau đây làm thay đổi tần số alen của quần thể không theo hướng xác định?  
(l) Đột biến.  
(2) Di - nhập gen.  
(3) Chọn lọc tự nhiên.  
(4) Giao phối không ngẫu nhiên.  
(5) Các yếu tố ngẫu nhiên.  
A. 3.  
B. 4.  
C. 1.  
D. 2.  
**Câu 14:** Theo quan niệm hiện đại, quá trình hình thành loài mới  
A. chỉ diễn ra khi môi trường sống thay đổi, quần thể hoặc loài ban đầu chịu áp lực của các tác nhân gây đột biến.  
B. bằng lai xa và đa bội hoá thì chỉ cần xuất hiện một cá thể là chắc chắn sẽ hình thành nên một loài mới.  
C. bằng con đường sinh thái chỉ gặp ở động vật, không gặp ở thực vật.  
D. thường gắn liền với quá trình hình thành quần thể thích nghi.  
**Câu 15:** Những kiểu giao phối nào sau đây không làm thay đổi tần số alen nhưng làm thay đổi thành phần kiểu gen của quần thể theo hướng tăng dần ti lệ đồng hợp tử và giảm dần tỉ lệ dị hợp tử?  
(1) Tự thụ phấn.  
(2) Giao phối gần.  
(3) Giao phối ngẫu nhiên.  
(4) Giao phối có chọn lọc.  
A. (1), (2), (3).  
B. (l), (2), (4).  
C. (2), (3), (4).  
D. (1), (3), (4).  
**Câu 16:** Trong các phát biểu sau, có bao nhiêu phát biểu đúng về tiến hoá nhỏ?  
(1) Tiến hoá nhỏ diễn ra hoàn toàn độc lập với tiến hoá lớn.  
(2) Tiến hoá nhỏ là quá trình biến đổi tần số alen và thành phần kiểu gen của quần thể.  
(3) Tiến hoá nhỏ diễn ra trên quy mô của một quần thể và diễn biến không ngừng dưới tác động của các nhân tố tiến hoá.  
(4) Tiến hoá nhỏ kết thúc khi loài mới xuất hiện.  
A. 1.  
B. 2.  
C. 3.  
D. 4.  
**Câu 17:** Giả sử dưới tác động của một nhân tố, tần số tương đối của các alen ở một quần thể từ 0,5A : 0,5a đột ngột biến đổi thành 0,7A : 0,3a. Nhân tố nào sau đây có khả năng đã tác động vào quần thể này?  
(1) Đột biến.  
(2) Giao phối ngẫu nhiên.  
(3) Di - nhập gen.  
(4) Giao phối không ngẫu nhiên.  
(5) Các yếu tố ngẫu nhiên.  
(6) Các cơ chế cách li.  
(7) Chọn lọc tự nhiên.  
A. (1) hoặc (3) hoặc (6).  
B. (5) hoặc (6) hoặc (7).  
C. (3) hoặc (5) hoặc (7).  
D. (1) hoặc (2) hoặc (6).  
**Câu 18:** Có bao nhiêu nhân tố sau đây làm thay đổi tần số alen của quần thể?  
(1) Đột biến.  
(2) Chọn lọc tự nhiên.  
(3) Di - nhập gen.  
(4) Giao phối không ngẫu nhiên.  
(5) Các yếu tố ngẫu nhiên.  
A. 1.  
B. 4.  
C. 2.  
D. 3.  
**Câu 19:** Khi nói về quá trình hình thành loài khác khu vực địa lí, phát biểu nào sau đây sai?  
A. Cách li địa lí là nhân tố trực tiếp tạo ra các kiểu gen quy định các kiểu hình thích nghi.  
B. Cách li địa lí ngăn cản các cá thể của các quần thể cùng loài gặp gỡ và giao phối với nhau.  
C. Cách li địa lí góp phần duy trì sự khác biệt về tần số alen và thành phần kiểu gen giữa các quần thể được tạo ra bởi các nhân tố tiến hoá.  
D. Cách li địa lí không nhất thiết dẫn đến cách li sinh sản.  
**Câu 20:** Theo quan niệm hiện đại, có bao nhiêu nhân tố sau đây tạo nguồn biến dị thứ cấp cho tiến hoá?  
(1) Đột biến.  
(2) Giao phối ngẫu nhiên.  
(3) Chọn lọc tự nhiên.  
(4) Các yếu tố ngẫu nhiên.  
A. 4.  
B. 3.  
C. 2.  
D. 1.  
**Câu 21:** Ở một quần thể hươu, do tác động của một cơn lũ quét làm cho đa số cá thể khoẻ mạnh bị chết, số ít cá thể còn lại có sức khoẻ kém hơn sống sót, tồn tại và phát triển thành một quần thể mới có thành phần kiểu gen và tần số alen khác hẳn so với quần thể gốc. Đây là một ví dụ về tác động của  
A. đột biến.  
B. các yếu tố ngẫu nhiên.  
C. di - nhập gen.  
D. chọn lọc tự nhiên.  
**Câu 22:** Nếu hai quần thể của cùng một loài sống trong cùng một khu vực địa lí nhưng ở hai ổ sinh thái khác nhau thì sau một thời gian cũng có thể dẫn đến cách li sinh sản và hình thành loài mới. Đây là con đường hình thành loài  
A. nhờ cơ chế lai xa và đa bội hoá.  
B. khác khu vực địa lí.  
C. bằng cách li tập tính.  
D. bằng cách li sinh thái.  
**Câu 23:** Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng về giao phối không ngẫu nhiên?  
(1) Giao phối không ngẫu nhiên là nhân tố làm nghèo vốn gen của quần thể.  
(2) Giao phối không ngẫu nhiên làm tăng dần tần số kiểu gen dị hợp trong quần thể.  
(3) Giao phối không ngẫu nhiên làm thay đổi thảnh phần kiểu gen của quần thể.  
(4) Giao phối không ngẫu nhiên làm xuất hiện những alen mới trong quần thể.  
A. 4  
B. 1.  
C. 3.  
D. 2.  
**Câu 24:** Các cá thể thuộc các loài khác nhau có thể có cấu tạo cơ quan sinh sản khác nhau nên chúng không thể giao phối với nhau. Đây là dạng cách li  
A. cơ học.  
B. tập tính.  
C. hợp tử.  
D. sinh thái.  
**Câu 25:** Khi nói về vai trò của các nhân tố tiến hoá, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?  
(1) Các yếu tố ngẫu nhiên làm thay đổi tần số alen và tần số kiểu gen của quần thể theo một hướng xác định.  
(2) Chọn lọc tự nhiên làm phát sinh biến dị di truyền, cung cấp nguồn biến dị sơ cấp cho tiến hoá.  
(3) Chọn lọc tự nhiên dễ dàng loại bỏ hoàn toàn một alen nào đó khỏi quần thể cho dù alen đó là có lợi.  
(4) Giao phối không ngẫu nhiên không làm thay đổi tần số alen nhưng làm thay đổi thành phần kiểu gen của quần thể.  
(5) Di - nhập gen không làm thay đổi tần số alen nhưng làm thay đổi thành phần kiểu gen của quần thể.  
A. 3.  
B. 2.  
C. 1.  
D. 4.  
**Câu 26:** Cho các phát biểu sau về quá trình hình thành loài, có bao nhiêu phát biểu đúng?  
(1) Hình thành loài mới có thể xảy ra trong cùng khu vực địa lí hoặc khác khu vực địa lí.  
(2) Theo lí thuyết, bằng phương pháp gây đột biển nhân tạo có thể tạo được loài mới.  
(3) Lai xa và đa bội hoá có thể tạo được loài mới có bộ NST song nhị bội.  
(4) Quá trình hình thành loài có thể có sự tham gia của các yếu tố ngẫu nhiên.  
A. 2.  
B. 1.  
C. 4.  
D. 3.  
**Câu 27:** Phát biểu nào sau đây sai khi nói về các yếu tố ngẫu nhiên?  
A. Các yếu tố ngẫu nhiên có thể làm giảm kích thước quần thể nhỏ một cách đáng kể.  
B. Các yếu tố ngẫu nhiên có thể làm thay đổi đột ngột tần số alen và tần số kiểu gen của quần thể.  
C. Các yếu tố ngẫu nhiên luôn đào thải hết các alen trội và lặn có hại ra khỏi quần thể.  
D. Các yếu tố ngẫu nhiên có thể loại bỏ hoàn toàn một alen có lợi ra khỏi quần thể.  
**Câu 28:** Để xác định mối quan hệ họ hàng giữa người và các loài thuộc bộ linh trưởng (bộ Khỉ), người ta nghiên cứu mức độ giống nhau về ADN của các loài này so với ADN của người. Kết quả thu được (tính theo tỉ lệ % giống nhau so với ADN của người) như sau: khỉ Rhesut: 91,1%; tinh tinh: 97,6%; khỉ Capuchin: 84,2%; vượn Gibbon: 94,7%; khỉ Vervet: 90,5%. Căn cứ vào kết quả này, có thể xác định mối quan hệ họ hàng xa dần giữa người và các loài thuộc bộ Linh trưởng nói trên theo trật tự đùng là:  
A. Người – tinh tinh - vượn Gibbon - khỉ Rhesut - khỉ Vervet - khỉ Capuchin.  
B. Người – tinh tinh - khỉ Vervet - vượn Gibbon - khỉ Capuchin - khỉ Rhesut.  
C. Người – tinh tinh - khỉ Rhesut - vượn Gibbon - khỉ Capuchin - khỉ Vervet.  
D. Người – tinh tinh - vượn Gibbon - khỉ Vervet - khỉ Rhesut - khỉ Capuchin.  
**Câu 29:** Trong các phát biểu sau, có bao nhiêu phát biểu đúng về hoá thạch?  
(1) Hoá thạch là di tích của các sinh vật để lại trong các lớp đất đá của vỏ Trái Đất.  
(1) Xác của các sinh vật được bảo quản nguyên vẹn trong các lớp băng hoặc trong các lớp hổ phách được coi là một dạng hoá thạch.  
(3) Hoá thạch cung cấp cho chúng ta những bằng chứng gián tiếp về lịch sử tiến hoá của sinh giới.  
(4) Tuổi hoá thạch có thể được xác định bằng phân tích các đồng vị phóng xạ có trong hoá thạch hoặc đồng vị phóng xạ có trong các lớp đất đá chứa hoá thạch.  
A. 2.  
B. 3.  
C. 1.  
D. 4.  
**Câu 30:** Theo quan điểm tiến hoá hiện đại, trong khí quyển của Trái Đất nguyên thuỷ không có khí nào sau đây?  
A. H2.  
B. Hơi nước.  
C. O2.  
D. NH3.  
**Đáp án và thang điểm**  
*Mỗi câu trả lời đúng 0.33 điểm*  
  
  
  
1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
  
  
B  
A  
D  
C  
C  
B  
B  
C  
A  
A  
  
  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
  
  
C  
D  
A  
D  
B  
C  
C  
B  
A  
D  
  
  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
  
  
B  
D  
D  
A  
C  
C  
D  
A  
B  
C  
  
  
  
**Đề thi Học kì 2 Sinh học lớp 12 có đáp án Đề số 4**  
*Phòng Giáo dục và Đào tạo .....*  
*Đề thi khảo sát chất lượng Học kì 2*  
*Năm học ...*  
*Bài thi môn: Sinh học lớp 12*  
*Thời gian làm bài: 45 phút*  
*(không kể thời gian phát đề)*  
**Câu 1:** Dòng năng lượng trong các hệ sinh thái được truyền theo con đường phổ biến là  
A. năng lượng ánh sáng mặt trời → sinh vật tự dưỡng → sinh vật dị dưỡng → năng lượng trở lại môi trường  
B. năng lượng ánh sáng mặt trời → sinh vật tự dưỡng → sinh vật sản xuất → năng lượng trở lại môi trường  
C. năng lượng ánh sáng mặt trời → sinh vật tự dưỡng → sinh vật ăn thực vật → năng lượng trở lại môi trường  
D. năng lượng ánh sáng mặt trời → sinh vật tự dưỡng → sinh vật ăn động vật → năng lượng trở lại môi trường  
**Câu 2:** Năng lượng được chuyển cho bậc dinh dưỡng sau từ bậc dinh dưỡng trước nó khoảng bao nhiêu %?  
A. 10%  
B. 100%  
C. 70%  
D. 90%  
**Câu 3:** Phân bố theo nhóm các cá thể của quần thể trong không gian có đặc điểm là:  
A. thường gặp khi điều kiện sống của môi trường phân bố đồng đều trong môi trường, nhưng ít gặp trong thực tế  
B. các cá thể của quần thể tập trung theo từng nhóm ở nơi có điều kiện sống tốt nhất  
C. thường không được biểu hiện ở những sinh vật có lối sống bầy, đàn; có hậu quả làm giảm khả năng đấu tranh sinh tồn của các cá thể trong quần thể  
D. xảy ra khi có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể, thường xuất hiện sau giai đoạn sinh sản  
**Câu 4:** Ở biển có loài cá ép thường bám chặt vào thân cá lớn để "đi nhờ", thuận lợi cho phát tán và kiếm ăn của loài. Đây là biểu hiện của:  
A. cộng sinh  
B. hội sinh  
C. hợp tác  
D. kí sinh  
**Câu 5:** Quá trình diễn thế thứ sinh tại rừng lim Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn như thế nào?  
A. Rừng lim nguyên sinh bị chặt hết → Rừng thưa cây gỗ nhỏ → Cây gỗ nhỏ và cây bụi → Cây bụi và cỏ chiếm ưu thế → Trảng cỏ  
B. Rừng lim nguyên sinh bị chặt hết → Cây gỗ nhỏ và cây bụi → Rừng thưa cây gỗ nhỏ → Cây bụi và cỏ chiếm ưu thế → Trảng cỏ  
C. Rừng lim nguyên sinh bị chặt hết → Rừng thưa cây gỗ nhỏ → Cây bụi và cỏ chiếm ưu thế → Cây gỗ nhỏ và cây bụi → Trảng cỏ  
D. Rừng lim nguyên sinh bị chặt hết → Cây bụi và cỏ chiếm ưu thế → Rừng thưa cây gỗ nhỏ → Cây gỗ nhỏ và cây bụi → Trảng cỏ  
**Câu 6:** Đối với mỗi nhân tố sinh thái thì khoảng thuận lợi (khoảng cực thuận) là khoảng giá trị của nhân tố sinh thái mà ở đó sinh vật  
A. phát triển thuận lợi nhất  
B. có sức sống trung bình  
C. có sức sống giảm dần  
D. chết hàng loạt  
**Câu 7:** Nitơ phân tử được trả lại cho đất, nước và bầu khí quyển nhờ hoạt động của nhóm sinh vật nào?  
A. Vi khuẩn nitrat hóa  
B. Vi khuẩn phản nitrat hóa  
C. Vi khuẩn nitrit hóa  
D. Vi khuẩn cố định nitơ trong đất  
**Câu 8:** Lưới thức ăn và bậc dinh dưỡng được xây dựng nhằm  
A. mô tả quan hệ dinh dưỡng giữa các loài trong quần xã  
B. mô tả quan hệ dinh dưỡng giữa các sinh vật cùng loài trong quần xã  
C. mô tả quan hệ dinh dưỡng giữa các loài trong quần thể  
D. mô tả quan hệ dinh dưỡng và nơi ở giữa các loài trong quần xã  
**Câu 9:** Đặc điểm thích hợp làm giảm mất nhiệt của cơ thể voi sống ở vùng ôn đới so với voi sống ở vùng nhiệt đới là  
A. có đôi tai dài và lớn  
B. cơ thể có lớp mở dày bao bọc  
C. kích thước cơ thể nhỏ  
D. ra mồ hôi  
**Câu 10:** Khoảng thời gian sống có thể đạt tới của một cá thể tính từ lúc cá thể được sinh ra cho đến khi nó chết do già được gọi là:  
A. tuổi sinh thái  
B. tuổi sinh lí  
C. tuổi trung bình  
D. tuổi quần thể  
**Câu 11:** Tập hợp các dấu hiệu để phân biệt các quần xã được gọi là  
A. đặc điểm của quần xã  
B. đặc trưng của quần xã  
C. cấu trúc của quần xã  
D. thành phần của quần xã  
**Câu 12:** Để diệt sâu đục thân lúa, người ta thả ong mắt đỏ vào ruộng lúa. Đó là phương pháp đấu tranh sinh học dựa vào  
A. cạnh tranh cùng loài  
B. khống chế sinh học  
C. cân bằng sinh học  
D. cân bằng quần thể  
**Câu 13:** Cây có mạch và động vật lên cạn vào kỉ nào?  
A. Cacbon  
B. Đêvôn  
C. Silua  
D. Pecmi  
**Câu 14:** Những dạng nitơ được đa số thực vật hấp thụ nhiều và dễ nhất là  
A. muối amôn và nitrát  
B. nitrat và muối nitrit  
C. muối amôn và muối nitrit  
D. nitơ hữu cơ và nitơ vô cơ  
**Câu 15:** Theo chiều ngang khu sinh học biển được phân thành  
A. vùng trên triều và vùng triều  
B. vùng thềm lục địa và vùng khơi  
C. vùng nước mặt và vùng nước giữa  
D. vùng ven bờ và vùng khơi.  
**Câu 16:** Chọn câu sai trong các câu sau:  
A. Nhân tố sinh thái là tất cả các yếu tố của môi trường tác động trực tiếp hoặc gián tiếp tới sinh vật.  
B. Giới hạn sinh thái là giới hạn chịu đựng của cơ thể sinh vật đối với một nhân tố sinh thái nhất định.  
C. Sinh vật không phải là yếu tố sinh thái.  
D. Các nhân tố sinh thái được chia thành 2 nhóm là nhóm nhân tố vô sinh và nhóm nhân tố hữu sinh.  
**Câu 17:** Cá rô phi nuôi ở Việt Nam có các giá trị giới hạn dưới và giới hạn trên về nhiệt độ lần lượt là 5,6oC và 42oC . Khoảng giá trị nhiệt độ từ 5,6oC đến 42oC được gọi là  
A. khoảng gây chết  
B. khoảng thuận lợi  
C. khoảng chống chịu  
D. giới hạn sinh thái  
**Câu 18:** Trong chu trình sinh địa hóa có hiện tượng nào sau đây?  
A. Trao đổi các chất liên tục giữa môi trường và sinh vật  
B. Trao đổi các chất tạm thời giữa môi trường và sinh vật  
C. Trao đổi các chất liên tục giữa sinh vật và sinh vật  
D. Trao đổi các chất theo từng thời kì giữa môi trường và sinh vật  
**Câu 19:** Nhóm sinh vật nào không có mặt trong quần xã thì dòng năng lượng và chu trình trao đổi các chất trong tự nhiên vẫn diễn ra bình thường  
A. sinh vật sản xuất, sinh vật ăn động vật  
B. động vật ăn động vật, sinh vật sản xuất  
C. động vật ăn thực vật, động vật ăn động vật  
D. sinh vật phân giải, sinh vật sản xuất  
**Câu 20:** Ở động vật hằng nhiệt (đẳng nhiệt) sống ở vùng ôn đới lạnh có  
A. các phần thò ra (tai, đuôi) to ra, còn kích thước cơ thể lớn hơn so với những loài tương tự sống ở vùng nhiệt đới  
B. các phần thò ra (tai, đuôi) nhỏ lại, còn kích thước cơ thể nhỏ hơn so với những loài tương tự sống ở vùng nhiệt đới  
C. các phần thò ra (tai, đuôi) nhỏ lại, còn kích thước cơ thể lại lớn hơn so với những loài tương tự sống ở vùng nhiệt đới  
D. các phần thò ra (tai, đuôi) to ra, còn kích thước cơ thể nhỏ hơn so với những loài tương tự sống ở vùng nhiệt đới  
**Câu 21:** Tác động của vi khuẩn nitrát hóa là  
A. cố định nitơ trong đất thành dạng đạm nitrát (NO3-)  
B. cố định nitơ trong nước thành dạng đạm nitrát (NO3-)  
C. biến đổi nitrit (NO2-) thành nitrát (NO3-)  
D. biến đổi nitơ trong khí quyển thành dạng đạm nitrát (NO3-)  
**Câu 22:** Ý nào không đúng đối với động vật sống thành bầy đàn trong tự nhiên?  
A. Phát hiện kẻ thù nhanh hơn.  
B. Có lợi trong việc tìm kiếm thức ăn  
C. Tự vệ tốt hơn  
D. Thường xuyên diễn ra sự cạnh tranh  
**Câu 23:** Biện pháp nào sau đây không được sử dụng để bảo vệ nguồn nước trên Trái đất:  
A. bảo vệ rừng và trồng cây gây rừng  
B. bảo vệ nguồn nước sạch, chống ô nhiễm  
C. cải tạo các vùng hoang mạc khô hạn  
D. sử dụng tiết kiệm nguồn nước  
**Câu 24:** Tảo biển khi nở hoa gây ra nạn "thuỷ triều đỏ" ảnh hưởng tới các sinh vật khác sống xung quanh. Hiện tượng này gọi là quan hệ  
A. hội sinh  
B. hợp tác  
C. ức chế - cảm nhiễm  
D. cạnh tranh  
**Câu 25:** Cá chép có giới hạn chịu đựng đối với nhiệt độ tương ứng là: +2oC đến 44oC . Cá rô phi có giới hạn chịu đựng đối với nhiệt độ tương ứng là: +5,6oC đến +42oC . Dựa vào các số liệu trên, hãy cho biết nhận định nào sau đây về sự phân bố của hai loài cá trên là đúng?  
A. Cá chép có vùng phân bố rộng hơn cá rô phi vì có giới hạn chịu nhiệt rộng hơn  
B. Cá chép có vùng phân bố rộng hơn vì có giới hạn dưới thấp hơn  
C. Cá rô phi có vùng phân bố rộng hơn vì có giới hạn dưới cao hơn  
D. Cá rô phi có vùng phân bố rộng hơn vì có giới hạn chịu nhiệt hẹp hơn  
**Câu 26:** Dạng người biết chế tạo công cụ lao động đầu tiên là  
A. Homo erectus  
B. Homo habilis  
C. Nêanđectan  
D. Crômanhôn  
**Câu 27:** Đặc điểm nào dưới đây không có ở cây ưa sáng?  
A. Chịu được ánh sáng mạnh  
B. Có phiến lá mỏng, ít hoặc không có mô giậu  
C. Lá xếp nghiêng  
D. Mọc ở nơi quang đãng hoặc ở tầng trên của tán rừng  
**Câu 28:** Sử dụng chuỗi thức ăn sau để xác định hiệu suất sinh thái của sinh vật tiêu thụ bậc 3 so với sinh vật tiêu thụ bậc 2 là: Sinh vật sản xuất (2,1.106 calo) → sinh vật tiêu thụ bậc 1 (1,2.104 calo) → sinh vật tiêu thụ bậc 2 (1,1.102 calo) → sinh vật tiêu thụ bậc 3 (0,5.102 calo)  
A. 0,57%  
B. 0,92%  
C. 0,0052%  
D. 45,5%  
**Câu 29:** Quá trình nào sau đây không trả lại CO2 vào môi trường  
A. hô hấp của động vật, thực vật  
B. lắng đọng vật chất  
C. sản xuất công nghiệp, giao thông vận tải  
D. sử dụng nhiên liệu hóa thạch.  
**Câu 30:** Bảo vệ đa dạng sinh học là  
A. bảo vệ sự phong phú về nguồn gen và nơi sống của các loài  
B. bảo vệ sự phong phú về nguồn gen và về loài  
C. bảo vệ sự phong phú về nguồn gen, về loài và các hệ sinh thái  
D. bảo vệ sự phong phú về nguồn gen, các mối quan hệ giữa các loài trong hệ sinh thái.  
**Đáp án và thang điểm**  
*Mỗi câu trả lời đúng 0.33 điểm*  
  
  
  
1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
  
  
A  
A  
B  
B  
A  
A  
B  
A  
B  
B  
  
  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
  
  
B  
B  
C  
A  
D  
C  
D  
A  
C  
C  
  
  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
  
  
C  
D  
C  
C  
A  
B  
B  
D  
B  
C  
  
  
  
**Câu 25** Chọn A  
Sinh vật càng có giới hạn sinh thái càng rộng với càng nhiều yếu tố sinh thái thì phân bố càng rộng.  
**Câu 28** Chọn D  
Hiệu suất sinh thái của sinh vật tiêu thụ bậc 3 so với sinh vật tiêu thụ bậc 2 là:  
(0,5.102 )/ (0,5.102) x 100 = 45,5%  
**Đề thi Học kì 2 Sinh học lớp 12 có đáp án Đề số 5**  
*Phòng Giáo dục và Đào tạo .....*  
*Đề thi khảo sát chất lượng Học kì 2*  
*Năm học ...*  
*Bài thi môn: Sinh học lớp 12*  
*Thời gian làm bài: 45 phút*  
*(không kể thời gian phát đề)*  
**A. Phần trắc nghiệm** *(4 điểm)*  
**Câu 1:** Lưới thức ăn của một quần xã sinh vật trên cạn được mô tả như sau: Các loài cây là thức ăn của sâu đục thân, sâu hại quả, chim ăn hạt, côn trùng cánh cứng ăn vỏ cây và một số loài động vật ăn rễ cây. Chim sâu ăn côn trùng cánh cứng, sâu đục thân và sâu hại quả. Chim sâu và chim ăn hạt đều là thức ăn của chim ăn thịt cỡ lớn. Động vật ăn rễ cây là thức ăn của rắn, thú ăn thịt và chim ăn thịt cỡ lớn. Phân tích lưới thức ăn trên cho thấy:  
A. Chim ăn thịt cỡ lớn có thể là bậc dinh dưỡng cấp 2, cũng có thể là bậc dinh dưỡng cấp 3.  
B. Chuỗi thức ăn dài nhất trong lưới thức ăn này có tối đa 4 mắt xích.  
C. Nếu số lượng động vật ăn rễ cây bị giảm mạnh thì sự cạnh tranh giữa chim ăn thịt cỡ lớn và rắn gay gắt hơn so với sự cạnh tranh giữa rắn và thú ăn thịt.  
D. Các loài sâu đục thân, sâu hại quả, động vật ăn rễ cây và côn trùng cánh cứng có ổ sinh thái trùng nhau hoàn toàn.  
**Câu 2:** Nhận xét nào dưới đây không đúng về chu trình sinh địa hoá?  
(1).Chu trình sinh địa hoá là chu trình trao đổi các chất trong tự nhiên.  
(2). Cacbon đi vào chu trình dưới dạng cacbon đioxit (CO2), thông qua quang hợp.  
(3). Thực vật hấp thụ nitơ dưới dạng muối amoni ( NH4+), nitrat (NO3-).  
(4). Thực vật hấp thụ nitơ dưới dạng nitơ phân tử (N2), thông qua quang hợp.  
A. (1) và (2).  
B. (1) và (4).  
C. (1) và (3).  
D. (3) và (4).  
**Câu 3:** Hiện tượng cá sấu há to miệng cho một loài chim “xỉa răng” hộ là biểu hiện quan hệ:  
A. cộng sinh  
B. hội sinh  
C. hợp tác  
D. kí sinh  
**Câu 4:** Loài ưu thế là  
A. loài chỉ có ở 1 quần xã sinh vật nào đó.  
B. loài có số lượng ít, do di cư từ quần xã khác đến.  
C. sinh vật sản xuất  
D. loài đóng vai trò quan trọng trong quần xã do có số lượng nhiều hay có hoạt động mạnh.  
**Câu 5:** Hệ sinh thái tự nhiên có đặc điểm nào sau đây?  
A. Dễ mắc dịch bệnh  
B. Được con người cung cấp thức ăn  
C. Có khả năng tự điều chỉnh tốt hơn hệ sinh thái nhân tạo.  
D. Có độ đa dạng kém hơn hệ sinh thái nhân tạo.  
**Câu 6:** Tảo biển khi nở hoa gây ra nạn “thuỷ triều đỏ” ảnh hưởng tới các sinh vật khác sống xung quanh. Hiện tượng này gọi là quan hệ:  
A. hội sinh  
B. hợp tác  
C. ức chế - cảm nhiễm  
D. cạnh tranh  
**Câu 7:** Trong hệ sinh thái rừng mưa nhiệt đới, nhóm sinh vật có sinh khối lớn nhất là  
A. sinh vật tiêu thụ cấp II.  
B. sinh vật sản xuất.  
C. sinh vật phân hủy.  
D. sinh vật tiêu thụ cấp I.  
**Câu 8:** Sơ đồ nào sau đây mô tả đúng về một chuỗi thức ăn?  
A. Lúa → Sâu ăn lá lúa → Ếch → Diều hâu → Rắn hổ mang.  
B. Lúa → Sâu ăn lá lúa → Ếch → Rắn hổ mang → Diều hâu.  
C. Lúa → Sâu ăn lá lúa → Rắn hổ mang → Ếch → Diều hâu.  
D. Lúa → Ếch → Sâu ăn lá lúa → Rắn hổ mang → Diều hâu.  
**B. Phần tự luận** *(6 điểm)*  
**Câu 1:** (4 điểm): Xét một quần xã, người ta thu được mô tả như sau: ngựa, gà, thỏ là động vật ăn cỏ; hổ ăn thịt thỏ, ngựa; gà và thỏ bị cáo ăn thịt; mèo rừng chỉ ăn thịt gà.  
a) Vẽ sơ đồ lưới thức ăn trên.  
b) Biết năng lượng của sinh vật sản xuất là 45.108 kcal, của thỏ là 45.107 kcal, của cáo là 9.107 kcal. Tính hiệu suất sinh thái giữa cáo và thỏ, giữa thỏ và cỏ.  
c) Giải thích vì sao chuỗi thức ăn thường ngắn (không quá 6 mắt xích).  
**Câu 2:** (2 điểm): Khống chế sinh học là gì? Vai trò của khống chế sinh học.  
**Đáp án và thang điểm**  
**A. Phần trắc nghiệm** *(4 điểm)*  
*Mỗi câu trả lời đúng 0.5 điểm*  
  
  
  
1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
  
  
B  
B  
C  
D  
C  
C  
B  
B  
  
  
  
**B. Phần tự luận** *(6 điểm)*  
**Câu 1**  
a) 2 điểm  
b) - Hiệu suất sinh thái giữa cáo và thỏ:  
(9.107)/( 45.107) x 100 = 20% (0,5 điểm)  
- Hiệu suất sinh thái giữa thỏ và cỏ:  
(45.107)/( 45.108) x 100 = 10% (0,5 điểm)  
c) Giải thích: (1 điểm)  
- Do một phần năng lượng bị thất thoát dần qua nhiều cách ở mỗi bậc dinh dưỡng:  
   + Năng lượng mất qua hô hấp, tạo nhiệt ở mỗi bậc dinh dưỡng.  
   + Năng lượng mất qua chất thải (thải qua bài tiết, phân, thức ăn thừa,... hoặc năng lượng mất qua rơi rụng như rụng lá ở thực vật, rụng lông, lột xác của động vật,...) ở mỗi bậc dinh dưỡng.  
- Chuỗi thức ăn (hoặc bậc dinh dưỡng) càng lên cao năng lượng tích luỹ càng ít dần và đến mức nào đó không còn đủ duy trì của một mắt xích (của một bậc dinh dưỡng). Khi một mắt xích (thực chất là một loài, hoặc nhóm cá thể cùa một loài) có số lượng cá thể quá ít (nhỏ hơn kích thước tối thiểu của quần thể) sẽ không thể tồn tại.  
**Câu 2**  
- Khống chế sinh học là hiện tượng số lượng cá thể của một loài bị khống chế ở một mức độ nhất định, không tăng quá cao hoặc quá thấp do tác động của các quan hệ hỗ trợ hoặc đối kháng giữa các loài trong quần xã. (1 điểm)  
- Ý nghĩa: (1 điểm)  
   + Điều chỉnh tỉ lệ sinh sản, tử vong → cân bằng quần thể → cân bằng quần xã  
   + Ứng dụng trong nông nghiệp, sử dụng thiên địch phòng trừ sâu hại cây trồng.  
**Đề thi Học kì 2 Sinh học lớp 12 có đáp án Đề số 6**  
*Phòng Giáo dục và Đào tạo .....*  
*Đề thi khảo sát chất lượng Học kì 2*  
*Năm học ...*  
*Bài thi môn: Sinh học lớp 12*  
*Thời gian làm bài: 45 phút*  
*(không kể thời gian phát đề)*  
**Câu 1:** Khi nói về chọn lọc tự nhiên theo quan niệm hiện đại, phát biểu nào sau đây sai?  
A. Kết quả của chọn lọc tự nhiên dẫn đến hình thành các quần thể có nhiều cá thể mang các kiểu gen quy định các đặc điểm thích nghi.  
B. Chọn lọc tự nhiên chống lại alen trội thường làm thay đổi tần số alen chậm hơn chọn lọc chống alen lặn.  
C. Khi môi trường thay đổi theo một hướng xác định thì chọn lọc tự nhiên sẽ làm biến đổi tần số alen theo một hướng xác định.  
D. Chọn lọc tự nhiên tác động trực tiếp lên kiểu hình và gián tiếp làm biến đổi tần số alen của quần thể.  
**Câu 2:** Trong lịch sử phát sinh sự sống trên Trái Đất, ở giai đoạn tiến hoá tiền sinh học, các tế bào sơ khai đầu tiên  
(1) chưa có lớp màng bao bọc bên ngoài.  
(2) hoàn toàn chưa có khả năng phân chia.  
(3) có khả năng trao đổi chất và năng lượng với môi trường bên ngoài.  
(4) không chịu tác động của chọn lọc tự nhiên.  
(5) là bước khởi đầu cần thiết cho sự xuất hiện cơ thế sống đơn bào đầu tiên.  
Số phương án đúng là  
A. 2.  
B. 1.  
C. 4.  
D. 3.  
**Câu 3:** Trong các phát biểu sau về tế bào nguyên thuỷ, có mấy phát biểu đúng?  
(1) Tế bào nguyên thuỷ là tập hợp các đại phân tử hữu cơ, chưa có lớp màng bao bọc bên ngoài.  
(2) Tế bào nguyên thuỷ hoàn toàn chưa có khả năng phân chia.  
(3) Tế bào nguyên thuỷ có khả năng trao đổi chất và năng lượng với môi trường bên ngoài.  
(4) Tế bào nguyên thuỷ không chịu tác động của chọn lọc tự nhiên.  
(5) Sự xuất hiện tế bào nguyên thủy là bước khởi đầu cần thiết cho sự xuất hiện cơ thể sống đơn bào đầu tiên.  
A. 3.  
B. 4.  
C. 1.  
D. 2.  
**Câu 4:** Loại bằng chứng nào sau đây có thể giúp chúng ta xác định được loài nào xuất hiện trước, loài nào xuất hiện sau trong lịch sử phát sinh và phát triển của sự sống trên Trái Đất?  
A. Bằng chứng giải phẫu so sánh.  
B. Bằng chứng sinh học phân tử.  
C. Bằng chứng hoá thạch.  
D. Bằng chứng tế bào học.  
**Câu 5:** Trong các phát biểu sau, có bao nhiêu phát biểu đúng về quá trình hình thành loài mới theo quan niệm hiện đại?  
(1) Lai xa và đa bội hoá là con đường hình thành loài mới gặp phổ biến ở động vật.  
(2) Loài mới không xuất hiện với một cá thế duy nhất mà phải là một quần thể hay một nhóm quần thể.  
(3) Quá trình hình thành loài mới luôn gắn liền với quá trình hình thành đặc điểm thích nghi.  
(4) Quá trình hình thành loài mới có thể diễn ra từ từ qua hàng vạn, hàng triệu năm hoặc có thể diễn ra tương đối nhanh trong thời gian ngắn.  
(5) Quá trình hình thành loài mới bằng con đường địa lí và con đường sinh thái bao giờ cũng diễn ra độc lập với nhau.  
A. 2.  
B. 1.  
C. 3.  
D. 4.  
**Câu 6:** Theo quan niệm hiện đại, quá trình phát sinh và phát triển của sự sống trên Trái Đất đã trải qua các giai đoạn theo thứ tự:  
A. tiến hoá hoá học → tiến hoá sinh học → tiến hoá tiền sinh học.  
B. tiến hoá hoá học → tiến hoá tiền sinh học → tiến hoá sinh học.  
C. tiến hoá sinh học → tiến hoá hoá học → tiến hoá tiền sinh học.  
D. tiến hoá tiền sinh học → tiến hoá sinh học → tiến hoá hoá học.  
**Câu 7:** Theo quan niệm hiện đại, quá trình hình thành loài mới  
A. bằng con đường lai xa và đa bội hoá là phương thức chủ yếu nhất ở mọi loài sinh vật.  
B. là quá trình cải biến thành phần kiểu gen của quần thể ban đầu theo hướng thích nghi tạo ra kiểu gen mới cách li sinh sản với quần thể gốc.  
C. là một quá trình lịch sử, chịu sự chi phối của ba nhân tố là thường biến, biến dị tổ hợp và các cơ chế cách li.  
D. chỉ diễn ra khi môi trường sống thay đổi, quần thể hoặc loài ban đầu chịu áp lực của các tác nhân gây đột biến.  
**Câu 8:** Hai quần thể được phân hoá từ một quần thể ban đầu sẽ trở thành hai loài khác nhau khi giữa chúng xuất hiện dạng cách li  
A. tập tính.  
B. không gian.  
C. sinh sản.  
D. địa lí.  
**Câu 9:** Các nhân tố tiến hoá nào sau đây có khả năng làm phong phú thêm vốn gen của quần thể?  
(1) Di - nhập gen.  
(2) Giao phối không ngẫu nhiên.  
(3) Các yếu tố ngẫu nhiên.  
(4) Chọn lọc tự nhiên.  
(5) Đột biến.  
A. (l), (5).  
B. (l), (2).  
C. (2), (3).  
D. (3), (4).  
**Câu 10:** Có bao nhiêu nhân tố sau đây có thể làm giảm sự đa dạng di truyền của quần thể?  
(1) Các yếu tố ngẫu nhiên.  
(2) Đột biến.  
(3) Giao phối không ngẫu nhiên.  
(4) Giao phối ngẫu nhiên.  
A. 2.  
B. 1.  
C. 3.  
D. 4.  
**Câu 11:** Khu phân bố của loài bị chia cắt bởi các vật cản địa lí như sông, biển, núi cao, dải đất liền làm cho các quần thể trong loài bị cách li nhau. Trong những điều kiện sống khác nhau, chọn lọc tự nhiên đã tích luỹ các biến dị di truyền theo những hướng khác nhau, từ đó dần dần hình thành loài mới. Đây là cơ chế hình thành loài theo con đường  
A. lai xa và đa bội hoá.  
B. tự đa bội.  
C. địa lí (khác khu vực địa lí).  
D. sinh thái (cách li sinh thái).  
**Câu 12:** Theo quan niệm hiện đại, kết quả của quá trình tiến hoá nhỏ là hình thành  
A. các chi, các họ mới.  
B. quần thể mới trong loài  
C. các đơn vị phân loại trên loài.  
D. loài mới.  
**Câu 13:** Có bao nhiêu nhân tố sau đây làm thay đổi tần số alen của quần thể không theo hướng xác định?  
(l) Đột biến.  
(2) Di - nhập gen.  
(3) Chọn lọc tự nhiên.  
(4) Giao phối không ngẫu nhiên.  
(5) Các yếu tố ngẫu nhiên.  
A. 3.  
B. 4.  
C. 1.  
D. 2.  
**Câu 14:** Theo quan niệm hiện đại, quá trình hình thành loài mới  
A. chỉ diễn ra khi môi trường sống thay đổi, quần thể hoặc loài ban đầu chịu áp lực của các tác nhân gây đột biến.  
B. bằng lai xa và đa bội hoá thì chỉ cần xuất hiện một cá thể là chắc chắn sẽ hình thành nên một loài mới.  
C. bằng con đường sinh thái chỉ gặp ở động vật, không gặp ở thực vật.  
D. thường gắn liền với quá trình hình thành quần thể thích nghi.  
**Câu 15:** Những kiểu giao phối nào sau đây không làm thay đổi tần số alen nhưng làm thay đổi thành phần kiểu gen của quần thể theo hướng tăng dần ti lệ đồng hợp tử và giảm dần tỉ lệ dị hợp tử?  
(1) Tự thụ phấn.  
(2) Giao phối gần.  
(3) Giao phối ngẫu nhiên.  
(4) Giao phối có chọn lọc.  
A. (1), (2), (3).  
B. (l), (2), (4).  
C. (2), (3), (4).  
D. (1), (3), (4).  
**Câu 16:** Trong các phát biểu sau, có bao nhiêu phát biểu đúng về tiến hoá nhỏ?  
(1) Tiến hoá nhỏ diễn ra hoàn toàn độc lập với tiến hoá lớn.  
(2) Tiến hoá nhỏ là quá trình biến đổi tần số alen và thành phần kiểu gen của quần thể.  
(3) Tiến hoá nhỏ diễn ra trên quy mô của một quần thể và diễn biến không ngừng dưới tác động của các nhân tố tiến hoá.  
(4) Tiến hoá nhỏ kết thúc khi loài mới xuất hiện.  
A. 1.  
B. 2.  
C. 3.  
D. 4.  
**Câu 17:** Giả sử dưới tác động của một nhân tố, tần số tương đối của các alen ở một quần thể từ 0,5A : 0,5a đột ngột biến đổi thành 0,7A : 0,3a. Nhân tố nào sau đây có khả năng đã tác động vào quần thể này?  
(1) Đột biến.  
(2) Giao phối ngẫu nhiên.  
(3) Di - nhập gen.  
(4) Giao phối không ngẫu nhiên.  
(5) Các yếu tố ngẫu nhiên.  
(6) Các cơ chế cách li.  
(7) Chọn lọc tự nhiên.  
A. (1) hoặc (3) hoặc (6).  
B. (5) hoặc (6) hoặc (7).  
C. (3) hoặc (5) hoặc (7).  
D. (1) hoặc (2) hoặc (6).  
**Câu 18:** Có bao nhiêu nhân tố sau đây làm thay đổi tần số alen của quần thể?  
(1) Đột biến.  
(2) Chọn lọc tự nhiên.  
(3) Di - nhập gen.  
(4) Giao phối không ngẫu nhiên.  
(5) Các yếu tố ngẫu nhiên.  
A. 1.  
B. 4.  
C. 2.  
D. 3.  
**Câu 19:** Khi nói về quá trình hình thành loài khác khu vực địa lí, phát biểu nào sau đây sai?  
A. Cách li địa lí là nhân tố trực tiếp tạo ra các kiểu gen quy định các kiểu hình thích nghi.  
B. Cách li địa lí ngăn cản các cá thể của các quần thể cùng loài gặp gỡ và giao phối với nhau.  
C. Cách li địa lí góp phần duy trì sự khác biệt về tần số alen và thành phần kiểu gen giữa các quần thể được tạo ra bởi các nhân tố tiến hoá.  
D. Cách li địa lí không nhất thiết dẫn đến cách li sinh sản.  
**Câu 20:** Theo quan niệm hiện đại, có bao nhiêu nhân tố sau đây tạo nguồn biến dị thứ cấp cho tiến hoá?  
(1) Đột biến.  
(2) Giao phối ngẫu nhiên.  
(3) Chọn lọc tự nhiên.  
(4) Các yếu tố ngẫu nhiên.  
A. 4.  
B. 3.  
C. 2.  
D. 1.  
**Câu 21:** Ở một quần thể hươu, do tác động của một cơn lũ quét làm cho đa số cá thể khoẻ mạnh bị chết, số ít cá thể còn lại có sức khoẻ kém hơn sống sót, tồn tại và phát triển thành một quần thể mới có thành phần kiểu gen và tần số alen khác hẳn so với quần thể gốc. Đây là một ví dụ về tác động của  
A. đột biến.  
B. các yếu tố ngẫu nhiên.  
C. di - nhập gen.  
D. chọn lọc tự nhiên.  
**Câu 22:** Nếu hai quần thể của cùng một loài sống trong cùng một khu vực địa lí nhưng ở hai ổ sinh thái khác nhau thì sau một thời gian cũng có thể dẫn đến cách li sinh sản và hình thành loài mới. Đây là con đường hình thành loài  
A. nhờ cơ chế lai xa và đa bội hoá.  
B. khác khu vực địa lí.  
C. bằng cách li tập tính.  
D. bằng cách li sinh thái.  
**Câu 23:** Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng về giao phối không ngẫu nhiên?  
(1) Giao phối không ngẫu nhiên là nhân tố làm nghèo vốn gen của quần thể.  
(2) Giao phối không ngẫu nhiên làm tăng dần tần số kiểu gen dị hợp trong quần thể.  
(3) Giao phối không ngẫu nhiên làm thay đổi thảnh phần kiểu gen của quần thể.  
(4) Giao phối không ngẫu nhiên làm xuất hiện những alen mới trong quần thể.  
A. 4  
B. 1.  
C. 3.  
D. 2.  
**Câu 24:** Các cá thể thuộc các loài khác nhau có thể có cấu tạo cơ quan sinh sản khác nhau nên chúng không thể giao phối với nhau. Đây là dạng cách li  
A. cơ học.  
B. tập tính.  
C. hợp tử.  
D. sinh thái.  
**Câu 25:** Khi nói về vai trò của các nhân tố tiến hoá, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?  
(1) Các yếu tố ngẫu nhiên làm thay đổi tần số alen và tần số kiểu gen của quần thể theo một hướng xác định.  
(2) Chọn lọc tự nhiên làm phát sinh biến dị di truyền, cung cấp nguồn biến dị sơ cấp cho tiến hoá.  
(3) Chọn lọc tự nhiên dễ dàng loại bỏ hoàn toàn một alen nào đó khỏi quần thể cho dù alen đó là có lợi.  
(4) Giao phối không ngẫu nhiên không làm thay đổi tần số alen nhưng làm thay đổi thành phần kiểu gen của quần thể.  
(5) Di - nhập gen không làm thay đổi tần số alen nhưng làm thay đổi thành phần kiểu gen của quần thể.  
A. 3.  
B. 2.  
C. 1.  
D. 4.  
**Câu 26:** Cho các phát biểu sau về quá trình hình thành loài, có bao nhiêu phát biểu đúng?  
(1) Hình thành loài mới có thể xảy ra trong cùng khu vực địa lí hoặc khác khu vực địa lí.  
(2) Theo lí thuyết, bằng phương pháp gây đột biển nhân tạo có thể tạo được loài mới.  
(3) Lai xa và đa bội hoá có thể tạo được loài mới có bộ NST song nhị bội.  
(4) Quá trình hình thành loài có thể có sự tham gia của các yếu tố ngẫu nhiên.  
A. 2.  
B. 1.  
C. 4.  
D. 3.  
**Câu 27:** Phát biểu nào sau đây sai khi nói về các yếu tố ngẫu nhiên?  
A. Các yếu tố ngẫu nhiên có thể làm giảm kích thước quần thể nhỏ một cách đáng kể.  
B. Các yếu tố ngẫu nhiên có thể làm thay đổi đột ngột tần số alen và tần số kiểu gen của quần thể.  
C. Các yếu tố ngẫu nhiên luôn đào thải hết các alen trội và lặn có hại ra khỏi quần thể.  
D. Các yếu tố ngẫu nhiên có thể loại bỏ hoàn toàn một alen có lợi ra khỏi quần thể.  
**Câu 28:** Để xác định mối quan hệ họ hàng giữa người và các loài thuộc bộ linh trưởng (bộ Khỉ), người ta nghiên cứu mức độ giống nhau về ADN của các loài này so với ADN của người. Kết quả thu được (tính theo tỉ lệ % giống nhau so với ADN của người) như sau: khỉ Rhesut: 91,1%; tinh tinh: 97,6%; khỉ Capuchin: 84,2%; vượn Gibbon: 94,7%; khỉ Vervet: 90,5%. Căn cứ vào kết quả này, có thể xác định mối quan hệ họ hàng xa dần giữa người và các loài thuộc bộ Linh trưởng nói trên theo trật tự đùng là:  
A. Người – tinh tinh - vượn Gibbon - khỉ Rhesut - khỉ Vervet - khỉ Capuchin.  
B. Người – tinh tinh - khỉ Vervet - vượn Gibbon - khỉ Capuchin - khỉ Rhesut.  
C. Người – tinh tinh - khỉ Rhesut - vượn Gibbon - khỉ Capuchin - khỉ Vervet.  
D. Người – tinh tinh - vượn Gibbon - khỉ Vervet - khỉ Rhesut - khỉ Capuchin.  
**Câu 29:** Trong các phát biểu sau, có bao nhiêu phát biểu đúng về hoá thạch?  
(1) Hoá thạch là di tích của các sinh vật để lại trong các lớp đất đá của vỏ Trái Đất.  
(1) Xác của các sinh vật được bảo quản nguyên vẹn trong các lớp băng hoặc trong các lớp hổ phách được coi là một dạng hoá thạch.  
(3) Hoá thạch cung cấp cho chúng ta những bằng chứng gián tiếp về lịch sử tiến hoá của sinh giới.  
(4) Tuổi hoá thạch có thể được xác định bằng phân tích các đồng vị phóng xạ có trong hoá thạch hoặc đồng vị phóng xạ có trong các lớp đất đá chứa hoá thạch.  
A. 2.  
B. 3.  
C. 1.  
D. 4.  
**Câu 30:** Theo quan điểm tiến hoá hiện đại, trong khí quyển của Trái Đất nguyên thuỷ không có khí nào sau đây?  
A. H2.  
B. Hơi nước.  
C. O2.  
D. NH3.  
**Đáp án và thang điểm**  
*Mỗi câu trả lời đúng 0.33 điểm*  
  
  
  
1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
  
  
B  
A  
D  
C  
C  
B  
B  
C  
A  
A  
  
  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
  
  
C  
D  
A  
D  
B  
C  
C  
B  
A  
D  
  
  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
  
  
B  
D  
D  
A  
C  
C  
D  
A  
B  
C  
  
  
  
**Đề thi Học kì 2 Sinh học lớp 12 có đáp án Đề số 7**  
*Phòng Giáo dục và Đào tạo .....*  
*Đề thi khảo sát chất lượng Học kì 2*  
*Năm học ...*  
*Bài thi môn: Sinh học lớp 12*  
*Thời gian làm bài: 45 phút*  
*(không kể thời gian phát đề)*  
**A. Phần trắc nghiệm** *(4 điểm)*  
**Câu 1:** Có bao nhiêu ví dụ sau đây là cách li trước hợp tử?  
(1). Hai loài rắn sọc sống trong cùng khu vực địa lí, một loài chủ yếu sống dưới nước, loài kia sống trên cạn.  
(2). Một số loài kì giông sống trong một khu vực có giao phối với nhau nhưng con lai không phát triển.  
(3). Ngựa vằn sống ở châu Phi không giao phối với ngựa hoang sống ở vùng Trung Á.  
(4). Hai dòng lúa tích lũy các alen đột biến lặn ở một số locut khác nhau, hai dòng vẫn phát triển bình thường, hữu thụ nhưng cây lai giữa hai dòng có kích thước rất nhỏ và cho hạt lép.  
(5). Sự không tương thích của các phân tử prôtêin trên bề mặt trứng và tinh trùng của hai loài nhím biển nên không thể kết hợp được với nhau.  
A. 2.  
B. 3.  
C. 4.  
D. 1.  
**Câu 2:** Đặc điểm chung của nhân tố tiến hóa đột biến và di – nhập gen là  
(1). Làm thay đổi tần số alen và thành phần kiểu gen của quần thể.  
(2). Một alen có lợi cũng có thể bị đào thải hoàn toàn ra khỏi quần thể.  
(3). Làm tăng tần số kiểu gen đồng hợp tử và giảm tần số kiểu gen dị hợp tử.  
(4). Có thể làm xuất hiện alen mới nên làm phong phú vốn gen cho quần thể.  
A. (1), (3).  
B. (2), (4).  
C. (2), (3).  
D. (1), (4).  
**Câu 3:** Ghép hợp nào giữa (I) với (II) là đúng theo quan điểm tiến hoá hiện đại?  
  
  
  
I  
II  
  
  
1. Nguyên liệu  
a. quy định chiều hướng và nhịp điệu biến đổi thành phần kiểu gen của quần thể.  
  
  
2. Đối tượng  
b. phân hóa khả năng sinh sản của các cá thể với các kiểu gen khác nhau.  
  
  
3. Thực chất  
c. đột biến, biến dị tổ hợp, di nhập gen.  
  
  
4. Vai trò  
d. cá thể, dưới cá thể, trên cá thể.  
  
  
  
A. 1-d, 2-c, 3-b, 4-a.  
B. 1-d, 2-c, 3-a, 4-b.  
C. 1-c, 2-d, 3-b, 4-a.  
D. 1-c, 2-d, 3-a, 4-b.  
**Câu 4:** Tháp sinh thái hoàn thiện nhất là  
A. tháp số lượng  
B. tháp sinh khối  
C. tháp năng lượng  
D. cả 3 loại tháp  
**Câu 5:** Kích thước của quần thể sinh vật thể hiện:  
A. khoảng không gian sống của quần thể.  
B. phạm vi địa lý tồn tại của quần thể.  
C. số lượng cá thể trong quần thể.  
D. sự phân bố cá thể của quần thể.  
**Câu 6:** Về đặc trưng tỉ lệ giới tính của quần thể sinh vật, phát biểu nào sau đây đúng?  
A. Tỉ lệ giới tính là đặc trưng quan trọng đảm bảo hiệu quả sinh sản của quần thể.  
B. Tỉ lệ giới tính của quần thể là tỉ lệ giữa nhóm tuổi sinh sản so với các nhóm tuổi khác.  
C. Tỉ lệ giới tính là đặc trưng cơ bản nhất vì ảnh hưởng đến khả năng sử dụng nguồn sống.  
D. Tỉ lệ giới tính của quần thể phụ thuộc vào loài, được duy trì ổn định theo thời gian.  
**Câu 7:** Vai trò của vi khuẩn phản nitrat hóa trong chu trình nitơ là gì?  
A. Biến đổi nitrit thành nitrat  
B. Biến đổi amoni thành thành nitrit  
C. Biến đổi amoni thành nitrat  
D. Biến đổi nitrat thành nitơ  
**Câu 8:** Mối quan hệ mà một sịn vật sống trên cơ thể của loài khác và lấy chất dinh dưỡng của loài đó gọi là  
A. Kí sinh  
B. Ức chế - cảm nhiễm  
C. Cộng sinh  
D. Hội sinh  
**B. Phần tự luận** *(6 điểm)*  
**Câu 1:** (4 điểm): So sánh quần thể và quần xã.  
**Câu 2:** (2 điểm): Tháp sinh thái là gì? Có những loại tháp sinh thái nào  
**Đáp án và thang điểm**  
**A. Phần trắc nghiệm** *(4 điểm)*  
*Mỗi câu trả lời đúng 0.5 điểm*  
  
  
  
1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
  
  
B  
D  
C  
C  
C  
A  
D  
A  
  
  
  
**B. Phần tự luận** *(6 điểm)*  
**Câu 1**  
\* Giống nhau: (1 điểm)  
+ Đều được hình thành trong một thời gian lịch sử nhất định, có tính ổn định tương đối.  
+ Đều bị biến đổi do tác dụng của ngoại cảnh.  
+ Đều xảy ra môi quan hộ hồ trợ và cạnh tranh.  
\* Khác nhau: (mỗi cặp ý đúng 0,5 điểm)  
  
  
  
Quần thể sinh vật  
Quần xã sinh vật  
  
  
+ Tập hợp nhiều cá thế cùng loài.  
+ Các đặc trưng cơ bản gồm mật độ, tỉ lệ nhóm tuổi, tỉ lệ đực cải, sức sinh sản, tỉ lệ tử vong, kiểu tăng trưởng, đặc điểm phân bố, khả năng thích nghi với môi trường.  
+ Không gian sống gọi là nơi sinh sống.  
+ Chủ yếu xảy ra mối quan hệ hỗ trợ gọi là quần tụ.  
+ Thời gian hình thành ngắn và tồn tại ít ổn định hơn quần xã.  
+ Cơ chế cân bằng dựa vào tỉ lệ sinh sản, tử vong, phát tán.  
  
  
+ Tập hợp nhiều quần thể khác loài  
+ Các đặc trưng cơ bản gồm độ đa dạng, số lượng cá thể, cấu trúc loài, thành phần loài, sự phân tầng thẳng đứng, phân tầng ngang và cấu trúc này biến đổi theo chu kì.  
+ Không gian sống gọi là sinh cảnh.  
+ Thường xuyên xảy ra các quan hệ hỗ trợ và đối địch.  
+ Thời gian hình thành dài hơn và ổn định hơn quần thể.  
+ Cơ chế cân bằng do hiện tượng khống chế sinh học.  
  
  
  
  
**Câu 2**  
- Tháp sinh thái là các hình chữ nhật có chiều rộng như nhau, chiều dài khác nhau xếp chồng lên nhau biểu thị độ lớn của mỗi bậc dinh dưỡng trong chuỗi thức ăn. (0,5 điểm)  
- Có 3 loại tháp sinh thái:  
+ Tháp số lượng được xây dựng dựa trên số lượng cá thể sinh vật ở mỗi bậc dinh dưỡng. (0,5 điểm)  
+ Tháp sinh khối xây dựng trên khối lượng tổng số của tất cả các sinh vật trên một đơn vị diện tích hay thể tích (0,5 điểm)  
+ Tháp năng lượng được xây dựng trên số năng lượng được tích lũy trên một đơn vị diện tích hay thể tích trọng một đơn vị thời gian ở mỗi bậc dinh dưỡng (0,5 điểm)  
**Đề thi Học kì 2 Sinh học lớp 12 có đáp án Đề số 8**  
*Phòng Giáo dục và Đào tạo .....*  
*Đề thi khảo sát chất lượng Học kì 2*  
*Năm học ...*  
*Bài thi môn: Sinh học lớp 12*  
*Thời gian làm bài: 45 phút*  
*(không kể thời gian phát đề)*  
**A. Phần trắc nghiệm** *(4 điểm)*  
**Câu 1:** Trong hệ sinh thái lưới thức ăn thể hiện mối quan hệ  
A. động vật ăn thịt và con mồi.  
B. giữa sinh vật sản xuất với sinh vật tiêu thụ và sinh vật phân giải.  
C. giữa thực vật với động vật.  
D. dinh dưỡng và sự chuyển hoá năng lượng.  
**Câu 2:** Trong chuỗi thức ăn cỏ → cá → vịt → trứng vịt → người thì một loài động vật bất kỳ có thể được xem là  
A. sinh vật tiêu thụ.  
B. sinh vật dị dưỡng.  
C. sinh vật phân huỷ.  
D. bậc dinh dưỡng.  
**Câu 3:** Tháp sinh thái số lượng có dạng lộn ngược được đặc trưng cho mối quan hệ  
A. vật chủ- kí sinh.  
B. con mồi- vật dữ.  
C. cỏ- động vật ăn cỏ.  
D. tảo đơn bào, giáp xác, cá trích.  
**Câu 4:** Trong các hệ sinh thái, bậc dinh dưỡng của tháp sinh thái được kí hiệu là A, B, C, D và E. Sinh khối ở mỗi bậc là : A = 200 kg/ha; B = 250 kg/ha; C = 2000 kg/ha; D = 30 kg/ha; E = 2 kg/ha. Các bậc dinh dưỡng của tháp sinh thái được sắp xếp từ thấp lên cao, theo thứ tự như sau :  
Hệ sinh thái 1: A →B →C → E  
Hệ sinh thái 2: A →B →D → E  
Hệ sinh thái 3: C →A → B → E  
Hệ sinh thái 4: E →D → B → C  
Hệ sinh thái 5: C →A → D →E  
Trong các hệ sinh thái trên, hệ sinh thái bền vững là  
A. 1,2.  
B. 2, 3.  
C. 3, 4.  
D. 3, 5.  
**Câu 5:** Từ một rừng lim sau một thời gian biến đổi thành rừng sau sau là diễn thế  
A. nguyên sinh.  
B. thứ sinh.  
C. liên tục.  
D. phân huỷ.  
**Câu 6:** Quan hệ chặt chẽ giữa hai hay nhiều loài mà tất cả các loài tham gia đều có lợi là mối quan hệ  
A. cộng sinh.  
B. hội sinh.  
C. ức chế - cảm nhiễm.  
D. kí sinh.  
**Câu 7:** Nguồn nitrat cung cấp cho thực vật trong tự nhiên được hình thành chủ yếu theo:  
A. con đường vật lí  
B. con đường hóa học  
C. con đường sinh học  
D. con đường quang hóa  
**Câu 8:** Hậu quả của việc gia tăng nồng độ khí CO2 trong khí quyển là:  
A. làm cho bức xạ nhiệt trên Trái đất dễ dàng thoát ra ngoài vũ trụ  
B. tăng cường chu trình cacbon trong hệ sinh thái  
C. kích thích quá trình quang hợp của sinh vật sản xuất  
D. làm cho Trái đất nóng lên, gây thêm nhiều thiên tai  
**B. Phần tự luận** *(6 điểm)*  
**Câu 1:** (3 điểm): Diễn thế sinh thái là gì? Nguyên nhân và các giai đoạn của diễn thế sinh thái.  
**Câu 2:** (3 điểm): Các đặc trưng về phân bố cá thể trong không gian của quần xã.  
**Đáp án và thang điểm**  
**A. Phần trắc nghiệm** *(4 điểm)*  
*Mỗi câu trả lời đúng 0.5 điểm*  
  
  
  
1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
  
  
D  
D  
A  
D  
B  
A  
C  
D  
  
  
  
**B. Phần tự luận** *(6 điểm)*  
**Câu 1**  
- Diễn thế sinh thái là quá trình biến đổi tuần tự của quần xã qua các giai đoạn, tương ứng với sự biến đổi của môi trường. (0,5 điểm)  
- Nguyên nhân:  
   + Nguyên nhân bên ngoài: sự tác động mạnh mẽ của ngoại cảnh lên quần xã, tác động của quần xã lên ngoại cảnh làm biến đổi mạnh mẽ ngoại cảnh đến mức gây ra diễn thế và cuối cùng là tác động của con người. (0,5 điểm)  
   + Nguyên nhân bên trong: sự cạnh tranh gay gắt giữa các loài trong quần xã, với sự tác động mạnh mẽ của loài ưu thế. (0,5 điểm)  
- Các giai đoạn:  
  
  
  
Kiểu diễn thế  
Các giai đoạn của diễn thế  
Điểm  
  
  
Giai đoạn khởi đầu (Giai đoạn tiên phong)  
Giai đoạn giữa  
Giai đoạn cuối (Giai đoạn đỉnh cực)  
0,5  
  
  
Diễn thế nguyên sinh  
Các sinh vật đầu tiên phát tán tới.  
Các quần xã sinh vật biến đổi tuần tự, thay thể lẫn nhau.  
Hình thành quần xã ổn định tương đối.  
0,5  
  
  
Diễn thế thứ sinh  
Quần xã sinh vật cũ bị hủy diệt.  
Các quần xã sinh vật biến đổi tuần tự, thay thể lẫn nhau.  
Hình thành quần xã ổn định hoặc quần xã bị suy thoái.  
0,5  
  
  
  
**Câu 2**  
- Phân bố cá thể trong không gian quần xã phụ thuộc vào nhu cầu sống của từng loài. Sự phân bố có xu hướng làm giảm bớt mức độ cạnh tranh giữa các loài và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn sống của môi trường. (1 điểm)  
- Có 2 loại phân bố:  
   + Phân bố thẳng đứng: như phân bố nhiều tầng cây thích nghi với các điều kiện chiếu sáng khác nhau trong rừng. (1 điểm)  
   + Phân bố theo chiều ngang: như sự phân bố của sinh vật từ đỉnh núi đi xuống chân núi hay như sự phân bố sinh vật từ ven bờ biển đi sâu vào đất liền. (1 điểm)  
**Đề thi Học kì 2 Sinh học lớp 12 có đáp án Đề số 9**  
*Phòng Giáo dục và Đào tạo .....*  
*Đề thi khảo sát chất lượng Học kì 2*  
*Năm học ...*  
*Bài thi môn: Sinh học lớp 12*  
*Thời gian làm bài: 45 phút*  
*(không kể thời gian phát đề)*  
**Câu 1:** Thuộc tính nào dưới đây không phải là của các côaxecva:  
A. Có thể hấp thụ các chất hữu cơ trong dung dịch  
B. Có khả năng lớn dần lên và biến đổi cấu trúc nội tại  
C. Có thể phân chia thành những giọt mới dưới tác dụng cơ giới  
D. Côaxecva là dạng sống đầu tiên có cấu tạo tế bào  
**Câu 2:** Phát biểu nào dưới đây là không đúng về các sự kiện xảy ra trong giai đoạn tiến hoá hoá học:  
A. Có sự tổng hợp các chất hữu cơ từ các chất vô cơ theo phương thức hoá học  
B. Trong khí quyển nguyên thuỷ của quả đất chưa có O2 và N2  
C. Do tác dụng của các nguồn năng lượng tự nhiên mà từ các chất vô cơ hình thành nên những hợp chất hữu cơ đơn giản đến phức tạp như axit amin, nuclêôtit  
D. Quá trình hình thành các chất hữu cơ bằng con đường hoá học mới chỉ là giả thiết chưa được chứng minh bằng thực nghiệm  
**Câu 3:** Trong giai đoạn tiến hoá hoá học đã có:  
A. Hình thành mầm mống những cơ thể đầu tiên  
B. Tạo thành các côaxecva  
C. Xuất hiện các enzim  
D. Tổng hợp những chất hữu cơ từ những chất vô cơ theo phương thức hoá học  
**Câu 4:** Hầu hết cây trồng nhiệt đới quang hợp tốt nhất ở nhiệt độ 20oC - 30o  
C. Khoảng nhiệt độ này gọi là  
A. khoảng chống chịu.  
B. khoảng giới hạn trên.  
C. khoảng thuận lợi.  
D. khoảng giới hạn dưới.  
**Câu 5:** Các ví dụ về quan hệ hợp tác giữa các loài trong quần xã sinh vật là các mối quan hệ giữa  
(1) Chim sáo và trâu rừng  
(2) Vi khuẩn Rhizobium với cây họ đậu  
(3) Chim mỏ đỏ và linh dương  
(4) Cá ép với cá mập.  
Trả lời đúng là:  
A. (1) và (3).  
B. (1) và (4).  
C. (2) và (3).  
D. (2) và (4).  
**Câu 6:** Phát biểu nào dưới đây về các biến động khí hậu và địa chất là không đúng:  
A. Sự phát triển của băng hà là một nhân tố ảnh hưởng mạnh tới khí hậu, khí hậu lạnh tương ứng với sự phát triển của băng hà  
B. Mặt đất có thể bị nâng lên hay sụt xuống do đó biển rút ra xa hoặc tiến sâu vào đất liền  
C. Các đại lục có thể dịch chuyển theo chiều ngang làm thay đổi phân bố đất liền  
D. Chuyển động tạo núi thường kèm theo động đất và núi lửa nhưng không làm phân bố lại đại lục và đại dương  
**Câu 7:** Khoảng thuận lợi là khoảng các nhân tố sinh thái  
A. ở đó sinh vật sinh sản tốt nhất.  
B. mức phù hợp nhất để sinh vật thực hiện chức năng sống tốt nhất.  
C. giúp sinh vật chống chịu tốt nhất với môi trường.  
D. ở đó sinh vật sinh trưởng, phát triển tốt nhất.  
**Câu 8:** Nhiệt độ cực thuận cho các chức năng sống đối với cá rô phi ở Việt nam là  
A. 20oC.  
B. 25oC.  
C. 30oC.  
D. 35oC.  
**Câu 9:** Loài thuỷ sinh vật có giới hạn sinh thái rộng nhất đối với nồng độ muối sống ở  
A. cửa sông.  
B. biển gần bờ.  
C. xa bờ biển trên lớp nước mặt.  
D. biển sâu.  
**Câu 10:** Nhân tố sinh thái vô sinh bao gồm  
A. tất cả các nhân tố vật lý hoá học của môi trường xung quanh sinh vật.  
B. đất, nước, không khí, độ ẩm, ánh sáng , các nhân tố vật lý bao quanh sinh vật.  
C. đất, nước, không khí, độ ẩm, ánh sáng , các chất hoá học của môi trường xung quanh sinh vật.  
D. đất, nước, không khí, độ ẩm, ánh sáng, nhiệt độ của môi trường xung quanh sinh vật.  
**Câu 11:** Động vật không xương sống đầu tiên lên cạn là:  
A. Bọ cạp tôm  
B. Nhện  
C. Cá chân khớp và da gai  
D. Tôm ba lá  
**Câu 12:** Những yếu tố khi tác động đến sinh vật, ảnh hưởng của chúng không phụ thuộc vào mật độ của quần thể bị tác động là  
A. yếu tố hữu sinh.  
B. yếu tố vô sinh.  
C. các bệnh truyền nhiễm.  
D. nước, không khí, độ ẩm, ánh sáng.  
**Câu 13:** Nơi ở là  
A. khu vực sinh sống của sinh vật.  
B. nơi thường gặp của loài.  
C. khoảng không gian sinh thái.  
D. nơi có đầy đủ các yếu tố thuận lợi cho sự tồn tại của sinh vật  
**Câu 14:** Ổ sinh thái là  
A. khu vực sinh sống của sinh vật.  
B. nơi thường gặp của loài.  
C. khoảng không gian sinh thái có tất cả các điều kiện quy định cho sự tồn tại, phát triển ổn định lâu dài của loài.  
D. nơi có đầy đủ các yếu tố thuận lợi cho sự tồn tại của sinh vật  
**Câu 15:** Ánh sáng ảnh hưởng tới đời sống thực vật, làm  
A. thay đổi đặc điểm hình thái, cấu tạo giải phẫu, sinh lí của thực vật, hình thành các nhóm cây ưa sáng, ưa bóng.  
B. tăng hoặc giảm sự quang hợp của cây.  
C. thay đổi đặc điểm hình thái, sinh lí của thực vật.  
D. ảnh hưởng tới cấu tạo giải phẫu, sinh sản của cây.  
**Câu 16:** Nhịp sinh học là  
A. sự thay đổi theo chu kỳ của sinh vật trước môi trường.  
B. khả năng phản ứng của sinh vật trước sự thay đổi nhất thời của môi trường.  
C. khả năng phản ứng của sinh vật trước sự thay đổi mang tính chu kỳ của môi trường.  
D. khả năng phản ứng của sinh vật một cách nhịp nhàng trước sự thay đổi theo chu kỳ của môi trường.  
**Câu 17:** Ếch nhái, gấu ngủ đông là nhịp sinh học theo nhịp điệu  
A. mùa.  
B. tuần trăng.  
C. thuỷ triều.  
D. ngày đêm.  
**Câu 18:** Trong các nhóm động vật sau, nhóm thuộc động vật biến nhiệt là  
A. cá sấu, ếch đồng, giun đất.  
B. thằn lằn bóng đuôi dài, tắc kè, cá chép.  
C. cá voi, cá heo, mèo, chim bồ câu.  
D. cá rô phi, tôm đồng, cá thu.  
**Câu 19:** Quần thể là một tập hợp cá thể  
A. cùng loài, sống trong 1 khoảng không gian xác định, có khả năng sinh sản tạo thế hệ mới.  
B. khác loài, sống trong 1 khoảng không gian xác định vào một thời điểm xác định.  
C. cùng loài, cùng sống trong 1 khoảng không gian xác định, vào một thời điểm xác định.  
D. cùng loài, cùng sống trong 1 khoảng không gian xác định, vào một thời điểm xác định, có khả năng sinh sản tạo thế hệ mới.  
**Câu 20:** Quan hệ giữa lúa với cỏ dại thuộc quan hệ  
A. hợp tác  
B. cạnh tranh  
C. hãm sinh (ức chế - cảm nhiễm)  
D. hội sinh  
**Câu 21:** Các dấu hiệu đặc trưng cơ bản của quần thể là  
A. cấu trúc giới tính, cấu trúc tuổi, sự phân bố các thể, mật độ cá thể, sức sinh sản, sự tử vong, kiểu tăng trưởng.  
B. sự phân bố các thể, mật độ cá thể, sức sinh sản, sự tử vong, kiểu tăng trưởng  
C. cấu trúc giới tính, cấu trúc tuổi, sự phân bố các thể, sức sinh sản, sự tử vong.  
D. độ nhiều, sự phân bố các thể, mật độ cá thể, sức sinh sản, sự tử vong, kiểu tăng trưởng.  
**Câu 22:** Một quần thể với cấu trúc 3 nhóm tuổi: trước sinh sản, đang sinh sản và sau sinh sản sẽ bị diệt vong khi mất đi nhóm  
A. trước sinh sản.  
B. đang sinh sản.  
C. trước sinh sản và đang sinh sản.  
D. đang sinh sản và sau sinh sản  
**Câu 23:** Sự phát triển phồn thịnh của thực vật hạt kín, sâu bọ, chim và thú là đặc điểm của thời đại ..... (C: Cổ sinh, M: Trung sinh, T: Tân sinh), sự phát triển ưu thế của cây hạt trần và nhất là của bò sát là đặc điểm của đại ..... (C: Cổ sinh, M: Trung sinh, T: Tân sinh) và sự chinh phục đất liền của thực vật, động vật sau khi được vi khuẩn, tảo xanh và đại y chuẩn bị là điểm đáng chú ý nhất của đại ..... (C: Cổ sinh, M: Trung sinh, T: Tân sinh):  
A. M, T, C  
B. C, T, M  
C. T, C, M  
D. T, M, C  
**Câu 24:** Nếu mật độ cá thể của một quần thể sinh vật tăng quá mức tối đa thì  
A. sự cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể tăng lên.  
B. sự cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể giảm xuống.  
C. sự hỗ trợ giữa các cá thể trong quần thể tăng lên.  
D. sự xuất cư của các cá thể trong quần thể giảm tới mức tối thiểu.  
**Câu 25:** Điều nào sau đây không đúng với vai trò của quan hệ hỗ trợ?  
A. Đảm bảo cho quần thể tồn tại ổn định.  
B. Khai thác tối ưu nguồn sống của môi trường.  
C. Hiện tượng tự tỉa thưa.  
D. Làm tăng khả năng sống sót và sinh sản của các cá thể.  
**Câu 26:** Khoảng thời gian sống có thể đạt tới của một cá thể tính từ lúc cá thể được sinh ra cho đến khi nó chết do già được gọi là  
A. tuổi sinh thái.  
B. tuổi sinh lí.  
C. tuổi trung bình.  
D. tuổi quần thể  
**Câu 27:** Ví dụ nào sau đây phản ánh quan hệ hợp tác giữa các loài?  
A. Vi khuẩn lam sống trong nốt sần rễ đậu.  
B. Chim sáo đậu trên lưng trâu rừng.  
C. Cây phong lan bám trên thân cây gỗ.  
D. Cây tầm gửi sống trên thân cây gỗ.  
**Câu 28:** Ví dụ nào sau đây phản ánh quan hệ hợp tác giữa các loài?  
A. Vi khuẩn lam sống trong nốt sần rễ đậu.  
B. Chim sáo đậu trên lưng trâu rừng.  
C. Cây phong lan bám trên thân cây gỗ.  
D. Cây tầm gửi sống trên thân cây gỗ.  
**Câu 29:** Ý nghĩa sinh thái của kiểu phân bố đồng đều của các cá thể trong quần thể là  
A. làm giảm mức độ cạnh tranh giữa các cá thể.  
B. làm tăng khả năng chống chịu của các cá thể trước các điều kiện bất lợi của môi trường.  
C. duy trì mật độ hợp lí của quần thể.  
D. tạo sự cân bằng về tỉ lệ sinh sản và tỉ lệ tử vong của quần thể.  
**Câu 30:** Khi đánh bắt cá càng được nhiều con non thì nên  
A. tiếp tục, vì quần thể ở trạng thái trẻ.  
B. dừng ngay, nếu không sẽ cạn kiệt.  
C. hạn chế, vì quần thể sẽ suy thoái.  
D. tăng cường đánh vì quần thể đang ổn định.  
**Đáp án và thang điểm**  
*Mỗi câu trả lời đúng 0.33 điểm*  
  
  
  
1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
  
  
D  
D  
D  
C  
A  
C  
B  
C  
A  
A  
  
  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
  
  
B  
B  
B  
C  
A  
D  
A  
B  
D  
B  
  
  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
  
  
A  
C  
D  
A  
C  
B  
A  
C  
A  
B  
  
  
  
**Đề thi Học kì 2 Sinh học lớp 12 có đáp án Đề số 10**  
*Phòng Giáo dục và Đào tạo .....*  
*Đề thi khảo sát chất lượng Học kì 2*  
*Năm học ...*  
*Bài thi môn: Sinh học lớp 12*  
*Thời gian làm bài: 45 phút*  
*(không kể thời gian phát đề)*  
**A. Phần trắc nghiệm** *(4 điểm)*  
**Câu 1:** Lưới thức ăn của một quần xã sinh vật trên cạn được mô tả như sau: Các loài cây là thức ăn của sâu đục thân, sâu hại quả, chim ăn hạt, côn trùng cánh cứng ăn vỏ cây và một số loài động vật ăn rễ cây. Chim sâu ăn côn trùng cánh cứng, sâu đục thân và sâu hại quả. Chim sâu và chim ăn hạt đều là thức ăn của chim ăn thịt cỡ lớn. Động vật ăn rễ cây là thức ăn của rắn, thú ăn thịt và chim ăn thịt cỡ lớn. Phân tích lưới thức ăn trên cho thấy:  
A. Chim ăn thịt cỡ lớn có thể là bậc dinh dưỡng cấp 2, cũng có thể là bậc dinh dưỡng cấp 3.  
B. Chuỗi thức ăn dài nhất trong lưới thức ăn này có tối đa 4 mắt xích.  
C. Nếu số lượng động vật ăn rễ cây bị giảm mạnh thì sự cạnh tranh giữa chim ăn thịt cỡ lớn và rắn gay gắt hơn so với sự cạnh tranh giữa rắn và thú ăn thịt.  
D. Các loài sâu đục thân, sâu hại quả, động vật ăn rễ cây và côn trùng cánh cứng có ổ sinh thái trùng nhau hoàn toàn.  
**Câu 2:** Nhận xét nào dưới đây không đúng về chu trình sinh địa hoá?  
(1).Chu trình sinh địa hoá là chu trình trao đổi các chất trong tự nhiên.  
(2). Cacbon đi vào chu trình dưới dạng cacbon đioxit (CO2), thông qua quang hợp.  
(3). Thực vật hấp thụ nitơ dưới dạng muối amoni ( NH4+), nitrat (NO3-).  
(4). Thực vật hấp thụ nitơ dưới dạng nitơ phân tử (N2), thông qua quang hợp.  
A. (1) và (2).  
B. (1) và (4).  
C. (1) và (3).  
D. (3) và (4).  
**Câu 3:** Hiện tượng cá sấu há to miệng cho một loài chim “xỉa răng” hộ là biểu hiện quan hệ:  
A. cộng sinh  
B. hội sinh  
C. hợp tác  
D. kí sinh  
**Câu 4:** Loài ưu thế là  
A. loài chỉ có ở 1 quần xã sinh vật nào đó.  
B. loài có số lượng ít, do di cư từ quần xã khác đến.  
C. sinh vật sản xuất  
D. loài đóng vai trò quan trọng trong quần xã do có số lượng nhiều hay có hoạt động mạnh.  
**Câu 5:** Hệ sinh thái tự nhiên có đặc điểm nào sau đây?  
A. Dễ mắc dịch bệnh  
B. Được con người cung cấp thức ăn  
C. Có khả năng tự điều chỉnh tốt hơn hệ sinh thái nhân tạo.  
D. Có độ đa dạng kém hơn hệ sinh thái nhân tạo.  
**Câu 6:** Tảo biển khi nở hoa gây ra nạn “thuỷ triều đỏ” ảnh hưởng tới các sinh vật khác sống xung quanh. Hiện tượng này gọi là quan hệ:  
A. hội sinh  
B. hợp tác  
C. ức chế - cảm nhiễm  
D. cạnh tranh  
**Câu 7:** Trong hệ sinh thái rừng mưa nhiệt đới, nhóm sinh vật có sinh khối lớn nhất là  
A. sinh vật tiêu thụ cấp II.  
B. sinh vật sản xuất.  
C. sinh vật phân hủy.  
D. sinh vật tiêu thụ cấp I.  
**Câu 8:** Sơ đồ nào sau đây mô tả đúng về một chuỗi thức ăn?  
A. Lúa → Sâu ăn lá lúa → Ếch → Diều hâu → Rắn hổ mang.  
B. Lúa → Sâu ăn lá lúa → Ếch → Rắn hổ mang → Diều hâu.  
C. Lúa → Sâu ăn lá lúa → Rắn hổ mang → Ếch → Diều hâu.  
D. Lúa → Ếch → Sâu ăn lá lúa → Rắn hổ mang → Diều hâu.  
**B. Phần tự luận** *(6 điểm)*  
**Câu 1:** (4 điểm): Xét một quần xã, người ta thu được mô tả như sau: ngựa, gà, thỏ là động vật ăn cỏ; hổ ăn thịt thỏ, ngựa; gà và thỏ bị cáo ăn thịt; mèo rừng chỉ ăn thịt gà.  
a) Vẽ sơ đồ lưới thức ăn trên.  
b) Biết năng lượng của sinh vật sản xuất là 45.108 kcal, của thỏ là 45.107 kcal, của cáo là 9.107 kcal. Tính hiệu suất sinh thái giữa cáo và thỏ, giữa thỏ và cỏ.  
c) Giải thích vì sao chuỗi thức ăn thường ngắn (không quá 6 mắt xích).  
**Câu 2:** (2 điểm): Khống chế sinh học là gì? Vai trò của khống chế sinh học.  
**Đáp án và thang điểm**  
**A. Phần trắc nghiệm** *(4 điểm)*  
*Mỗi câu trả lời đúng 0.5 điểm*  
  
  
  
1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
  
  
B  
B  
C  
D  
C  
C  
B  
B  
  
  
  
**B. Phần tự luận** *(6 điểm)*  
**Câu 1**  
a) 2 điểm   
b) - Hiệu suất sinh thái giữa cáo và thỏ:  
(9.107)/( 45.107) x 100 = 20% (0,5 điểm)  
- Hiệu suất sinh thái giữa thỏ và cỏ:  
(45.107)/( 45.108) x 100 = 10% (0,5 điểm)  
c) Giải thích: (1 điểm)  
- Do một phần năng lượng bị thất thoát dần qua nhiều cách ở mỗi bậc dinh dưỡng:  
   + Năng lượng mất qua hô hấp, tạo nhiệt ở mỗi bậc dinh dưỡng.  
   + Năng lượng mất qua chất thải (thải qua bài tiết, phân, thức ăn thừa,... hoặc năng lượng mất qua rơi rụng như rụng lá ở thực vật, rụng lông, lột xác của động vật,...) ở mỗi bậc dinh dưỡng.  
- Chuỗi thức ăn (hoặc bậc dinh dưỡng) càng lên cao năng lượng tích luỹ càng ít dần và đến mức nào đó không còn đủ duy trì của một mắt xích (của một bậc dinh dưỡng). Khi một mắt xích (thực chất là một loài, hoặc nhóm cá thể cùa một loài) có số lượng cá thể quá ít (nhỏ hơn kích thước tối thiểu của quần thể) sẽ không thể tồn tại.  
**Câu 2**  
- Khống chế sinh học là hiện tượng số lượng cá thể của một loài bị khống chế ở một mức độ nhất định, không tăng quá cao hoặc quá thấp do tác động của các quan hệ hỗ trợ hoặc đối kháng giữa các loài trong quần xã. (1 điểm)  
- Ý nghĩa: (1 điểm)  
   + Điều chỉnh tỉ lệ sinh sản, tử vong → cân bằng quần thể → cân bằng quần xã  
   + Ứng dụng trong nông nghiệp, sử dụng thiên địch phòng trừ sâu hại cây trồng.  
*Để xem trọn bộ Đề thi Sinh học 12 có đáp án, Thầy/ cô vui lòng Tải xuống!*  
**Xem thêm các bộ đề thi lớp 12 chọn lọc, hay khác:**  
Đề thi Học kì 2 Hóa học lớp 12 năm 2022 - 2023 có đáp án  
Đề thi Học kì 2 Toán lớp 12 năm 2022 - 2023 có đáp án  
Đề thi Học kì 2 Tiếng Anh lớp 12 năm 2022 - 2023 có đáp án  
Đề thi Học kì 2 Địa Lí lớp 12 năm 2022 - 2023 có đáp án  
Đề thi Học kì 2 Vật lí lớp 12 năm 2022 - 2023 có đáp án  
Đề thi Học kì 2 Lịch sử lớp 12 năm 2022 - 2023 có đáp án  
Đề thi Học kì 2 GDCD lớp 12 năm 2022 - 2023 có đáp án  
Đề thi Học kì 2 Ngữ văn lớp 12 năm 2022 - 2023 có đáp án